

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG**



ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH

NGÀNH : ĐIỀU DƯỠNG
TRÌNH ĐỘ : ĐẠI HỌC
MÃ SỐ : 52720501

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 10 năm 2017

Số: 514/ĐHVLT-Tr

TỜ TRÌNH
ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: Điều dưỡng

Mã ngành: 52720501

Trình độ đào tạo: Đại học

Kính gửi: **Bộ Giáo dục và Đào tạo**

1. Tóm tắt quá trình xây dựng đề án:

Nguồn nhân lực y tế ngày càng trở thành yếu tố thiết yếu trong hệ thống cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe như khám chữa bệnh, phòng bệnh, phục hồi chức năng, sản xuất và phân phối thuốc, đào tạo, nghiên cứu khoa học, quản lý các dịch vụ y tế và xây dựng chính sách. Nguồn nhân lực y tế bao gồm đội ngũ bác sỹ, dược sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, hộ lý và một số người có ngành nghề khác làm việc trong hệ thống dịch vụ nêu trên. Nền kinh tế xã hội càng phát triển thì nhu cầu về nguồn nhân lực y tế càng tăng cả về số lượng cũng như chất lượng.

Xu hướng tương lai là vậy, nhưng ngay tại thời điểm hiện nay, nguồn nhân lực y tế của nước ta đang thiếu về số lượng và chưa đảm bảo về chất lượng, đặc biệt đội ngũ điều dưỡng bậc đại học và trên đại học.

Số lượng điều dưỡng viên đã không đủ đáp ứng nhu cầu về số lượng, mà trình độ điều dưỡng cũng hạn chế, chỉ khoảng 30% điều dưỡng viên có trình độ cao đẳng và đại học, còn lại 70% là trung cấp và sơ cấp.

Cũng theo đánh giá của Bộ Y tế, số điều dưỡng bậc đại học ra trường hàng năm, cho đến thời điểm 2015 vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu phát triển của các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập.



Ngoài nhu cầu điều dưỡng viên trong nước, hiện nay nhu cầu này đang mất cân đối trầm trọng giữa cung và cầu ở các nước phát triển, nhất là ở các nước phát triển đang có xu hướng già hóa dân số. Các quốc gia như Nhật, Cộng hòa liên bang Đức, lãnh thổ Đài Loan... đang rất thiếu điều dưỡng viên. Các điều dưỡng viên của nước ta, ngoài năng lực chuyên môn, nếu có trình độ ngoại ngữ tốt, sẽ có cơ hội rất lớn để có việc làm với thu nhập cao khi xuất khẩu sức lao động.

Các cơ sở giáo dục đại học của nước ta đang ngày càng có vai trò quan trọng trong cung ứng nguồn điều dưỡng viên có trình độ cao cho xã hội. Do những hạn chế về tài chính, cũng như do nhiều nguyên nhân khác, các cơ sở giáo dục đại học công lập của nước ta không thể đáp ứng kịp nhu cầu của xã hội về điều dưỡng viên. Vì vậy, bên cạnh các cơ sở giáo dục đại học công lập, các cơ sở giáo dục đại học tư thục ngày càng có vai trò quan trọng trong cung ứng nguồn nhân lực trong lĩnh vực này.

Qua nghiên cứu nhu cầu của xã hội, nhằm đáp ứng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân, cho thấy nguồn nhân lực y tế nói chung và nguồn nhân lực điều dưỡng nói riêng ở nước ta đang trong tình trạng thiếu về số lượng và yếu về chất lượng (trình độ được đào tạo). Do vậy, Trường Đại học Văn Lang đã thành lập Khoa Y Dược để đào tạo điều dưỡng đa khoa nhằm cung cấp đội ngũ điều dưỡng viên đáp ứng nhu cầu hiện tại cũng như đón đầu trong tương lai cho xã hội trong nước và quốc tế.

Quá trình xây dựng chương trình đào tạo ngành điều dưỡng của Trường Đại học Văn Lang dựa trên một số căn cứ chủ yếu sau:

- Luật giáo dục ngày 14/6/2005, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục ngày 25/11/2009;
- Luật giáo dục Đại học ngày 16 tháng 6 năm 2012;
- Nghị định số 115/2010/NĐ - CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ qui định trách nhiệm quản lý giáo dục về giáo dục;
- Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của qui chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo

hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Quyết định số 1216/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 22 tháng 7 năm 2011 về việc phê duyệt qui hoạch phát triển nhân lực Việt nam giai đoạn 2011-2020.

- Quyết định 2992/QĐ-BYT ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Bộ Y tế phê duyệt kế hoạch phát triển nhân lực trong hệ thống khám chữa bệnh giai đoạn 2015-2020.

- Quyết định số 1352/QĐ-BYT ngày 21 tháng 4 năm 2012 của Bộ Y tế về chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng.

- Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7 tháng 10 năm 2015 về việc Ban hành qui định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.

- Nghị định số 69/2017/NĐ - CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Thông tư số 08/2011/TT - BGDĐT, ngày 17/2/2011 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc qui định điều kiện, hồ sơ, qui trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;

- Cập nhật Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ký ngày 6 tháng 9 năm 2017 Ban hành qui định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học.

Đề án cũng được tham khảo ý kiến của các chuyên gia qua các cuộc khảo sát tại các bệnh viện, phòng khám trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; tham khảo, kế thừa các chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng tại các trường đại học khối Điều dưỡng, hoặc tại các Trường Y - Dược, các trường đại học khác có đào tạo ngành/ chuyên ngành Điều dưỡng. Cụ thể, ngành Điều dưỡng trình độ đại học của Trường Đại học Văn Lang được xây dựng có thời gian đào tạo là 4 năm trên cơ sở tham khảo chương trình của các trường Đại học: Điều dưỡng Nam Định, Đại học Y, Đại học Y - dược TP HCM, Đại học Y - dược Huế..., đồng thời cũng dựa trên cơ sở

khảo sát nhu cầu của các bệnh viện sử dụng nguồn nhân lực **Điều dưỡng**.

2. Về điều kiện mở ngành đào tạo:

- **Đội ngũ giảng viên cơ hữu** của Trường đảm bảo trên 70% khối lượng chương trình đào tạo của Trường, trong đó, có đủ tối thiểu 10 giảng viên cơ hữu chuyên ngành/ngành gần Điều dưỡng với **04 PGS TS, 01 tiến sĩ, 05 thạc sĩ**, đủ điều kiện đăng ký mở ngành.

- Về cơ sở vật chất:

+Nhà trường có 14 phòng học với diện tích 125m² đáp ứng yêu cầu học các học phần lý thuyết, các phòng học đều được trang bị máy tính nối mạng Internet không dây;

+12 giảng đường lớn 200m²;

+04 phòng học máy tính với 120 máy được nối mạng internet;

+Có 02 phòng Lab học ngoại ngữ mỗi phòng chứa 60 cabin;

+02 phòng hội thảo với diện tích 200m²;

+Thư viện 850m² với 350 chỗ ngồi, 50 máy tính nối mạng để tra cứu và quản lý tác nghiệp thư viện; 07 máy tra cứu OPCA; phần mềm quản lý LIBOL; có **68 đầu sách**, giáo trình phục vụ cho ngành Điều dưỡng.

+Đặc biệt, mới xây dựng và đang tiếp tục hoàn thiện **14 phòng thí nghiệm và thực hành** phục vụ đào tạo các ngành **Sức khỏe**, trong đó có **7 phòng** phục vụ cho ngành **Điều dưỡng**.

+Nhà trường đã ký Hợp đồng nguyên tắc với 2 bệnh viện lớn ở TP.Hồ Chí Minh là Bệnh viện Thống Nhất và Bệnh viện Quân y 175 và tiếp tục ký với một số cơ sở khác làm cơ sở thực hành và thực tập cho sinh viên.

Với đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất hiện có và đang hoàn thiện như trình bày trên, Nhà trường quyết tâm và khẳng định đảm bảo điều kiện mở ngành đào tạo Điều dưỡng theo qui định.

3. Kết luận và đề nghị:

Sau khi nghiên cứu nhu cầu của xã hội trong và ngoài nước, xét năng lực của đội ngũ giảng viên cũng như cơ sở vật chất của trường, Trường Đại học Văn Lang kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép được đào tạo ngành Điều dưỡng - trình độ đại học nhằm:

- Đáp ứng nguồn nhân lực cho nhu cầu xã hội trong nước và cho xuất khẩu;
- Đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của người học;
- Tạo thêm cơ hội lựa chọn ngành nghề và việc làm cho thanh niên;
- Khai thác năng lực của đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất và các điều kiện khác của Nhà trường.

Từ các căn cứ khoa học cũng như thực trạng đào tạo và nhu cầu nhân lực ngành Điều dưỡng; với sự chuẩn bị về đội ngũ giảng viên, kỹ thuật viên và cơ sở vật chất, Trường Đại học Văn Lang kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định giao nhiệm vụ đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ đại học - mã ngành 52720501 cho Nhà trường kể từ năm 2018.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2017

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT (để báo cáo);
- Lưu.

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Trần Thị Mỹ Diệu

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG**

Số: 574 /ĐHVLT-Tr

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2017

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành : Điều dưỡng

Mã số : 52720501

Trình độ đào tạo : Đại học

Kính gửi: **Bộ Giáo dục và Đào tạo**

I. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

1. Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo:

Trường Đại học Dân lập Văn Lang được thành lập theo Quyết định 71/TTg ngày 27/01/1995 của Thủ tướng Chính phủ, là một trong số ít những cơ sở giáo dục Đại học ngoài công lập đầu tiên của khu vực phía Nam. Ngày 14 tháng 10 năm 2015, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định 1755/QĐ-TTg chuyển đổi loại hình của Trường từ Dân lập sang Tư thực. Tên gọi chính thức của Trường hiện nay là Trường Đại học Văn Lang.

Trụ sở chính của Trường tọa lạc ở trung tâm thành phố Hồ Chí Minh – 45 Nguyễn Khắc Nhu, Phường Cô Giang, Quận 1. Cơ sở 2 đóng tại địa chỉ số 233A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh. Ký túc xá sinh viên đặt tại 61A- 61B hẻm 83, Phan Huy Ích, Phường 11, Quận Gò Vấp. Cơ sở 3 của trường thuộc Phường 5, Quận Gò Vấp, có diện tích đất gần 6 ha, rộng gấp 11 lần cơ sở 2, hiện đang được triển khai xây dựng với tổng mức đầu tư khoảng 2.000 tỷ đồng. Nhà trường đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại với mục tiêu hướng đến không

gian học hiện đại. Trụ sở và các cơ sở nói trên đều thuộc sở hữu của Nhà trường và đang được khai thác, phục vụ cho đào tạo.

Trường Đại học Văn Lang đào tạo bậc Đại học và Cao học, hệ chính quy tập trung. Trường hiện có 13.144 sinh viên đang theo học tại 14 khoa; 75 học viên cao học. Văn Lang là một trường đại học đa ngành, với 23 ngành đào tạo trình độ Đại học của trường được tổ chức thành 5 nhóm ngành, phát triển cân đối, gồm: Kỹ thuật - Công nghệ, Kinh tế, Mỹ thuật ứng dụng và Xã hội - Nhân văn. Bảy (07) ngành đào tạo bậc Cao học của Trường gồm Kỹ thuật Môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản trị Kinh doanh, Kinh doanh Thương mại, tài chính ngân hàng, kiến trúc và Công nghệ Sinh học. Nhà trường duy trì hợp tác với các Trường đại học trên thế giới như Trường Đại học Carnegie Mellon, Mỹ (CMU) (chương trình đào tạo Kỹ thuật phần mềm và Hệ thống thông tin trong quản lý); Trường Đại học Perpignan, Pháp (chương trình đào tạo 2 văn bằng ngành Du lịch); Trường Đại học Wageningen, Hà Lan (đào tạo tiến sĩ cho giảng viên Khoa CN&QL Môi trường thông qua hợp tác nghiên cứu); Trường Đại học Quế Lâm, Trung Quốc, Trường Đại học Han Dong, Hàn Quốc với Khoa Mỹ thuật Công nghiệp; Tổ chức ACCA với Khoa Kế toán Kiểm toán. Đội ngũ cán bộ - giảng viên cơ hữu ngày một lớn mạnh, cùng với đội ngũ giảng viên thỉnh giảng uy tín, đảm bảo chất lượng hoạt động điều hành và đào tạo của Nhà trường.

Năm 2006, Trường Đại học Văn Lang tham gia hệ thống kiểm định chất lượng đào tạo đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, là một trong 20 trường đầu tiên tham gia hệ thống kiểm định này. Tháng 2 năm 2009, Hội đồng Quốc Gia Kiểm định Chất lượng Giáo dục đã đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận Trường Đại học Văn Lang “đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục quốc gia”.

Tính đến tháng 3 năm 2017, Nhà trường đã cấp bằng cho 35.636 Kỹ sư, Cử nhân, Kiến trúc sư (với 18 khóa sinh viên tốt nghiệp), 40 Thạc sỹ (với 2 khóa tốt nghiệp). Nguồn nhân lực được đào tạo từ Trường Đại học Văn Lang tham gia vào nhiều lĩnh vực kỹ thuật, kinh tế, xã hội, được thị trường lao động đón nhận. Nhiều cựu sinh viên trưởng thành có đóng góp thực sự cho xã hội, kết nối vòng tay lớn hỗ trợ thế hệ đàn em khởi nghiệp.

2. Sự cần thiết về việc mở ngành

Việc mở ngành điều dưỡng mới là phù hợp với chiến lược phát triển của Trường Đại học Văn Lang và với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia:

- Sự phù hợp với chiến lược phát triển của Trường Đại học Văn Lang:

Trong sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Văn Lang giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2025, Hội đồng Quản trị Trường đã ra quyết nghị, công bố như sau:

Sứ mệnh:

Trường Đại học Văn Lang là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và đóng góp tích cực vào sự thay đổi lối sống, cách suy nghĩ và làm việc của con người thông qua giáo dục, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng.

Tầm nhìn:

Đến năm 2025, Trường Đại học Văn Lang trở thành trường đại học có vị thế cao trong hệ thống các trường đại học theo định hướng ứng dụng của Việt Nam; ngang tầm với các trường đại học trong khu vực về môi trường học tập, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Mục tiêu chiến lược:

Xây dựng Trường Đại học Văn Lang trở thành trường đại học đa ngành, đa bậc học, đảm bảo chất lượng đào tạo; là địa chỉ đáng tin cậy đối với người học; là đối tác tin cậy của các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp trong và ngoài nước về hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

- Sự phù hợp về nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia:

Qua kết quả khảo sát nhu cầu của xã hội, cho thấy:

Theo thỏa thuận khung thừa nhận dịch vụ điều dưỡng ASEAN (MRA): điều dưỡng phải có trình độ ≥ 3 năm đào tạo (tức là trình độ cử nhân, cao đẳng). Nhưng ở Việt Nam thực tế thiếu điều dưỡng trình độ đại học và cao đẳng. Báo cáo của

Cục Quản lý khám, chữa bệnh, BHYT (2016), cho thấy hiện tại 76% điều dưỡng của VN ở trình độ đào tạo ≤ 3 năm (trình độ trung cấp). Đồng thời, theo báo cáo của Nguyễn Minh Lợi, BHYT, (2017), Việt Nam thiếu khoảng 100.000 điều dưỡng vào năm 2020.

Theo mức chuẩn của Bộ Y tế, tại các bệnh viện, tỉ lệ điều dưỡng/bác sĩ cần đạt 2,5/1 đến 3,5/1, tuy nhiên con số này ở nước ta mới chỉ đạt 1,9/1. Ở các bệnh viện tuyến trên, con số này lại càng thấp hơn. Vì vậy, để phát triển nhân lực điều dưỡng, đáp ứng nhu cầu xã hội, nước ta phấn đấu năm 2015 đạt tỷ lệ 20 điều dưỡng từ trung cấp trở lên cho 10 nghìn dân và năm 2020 đạt tỷ lệ 25 điều dưỡng cho 10 nghìn dân.

Số lượng điều dưỡng viên đã không đủ đáp ứng nhu cầu về số lượng, mà trình độ điều dưỡng cũng hạn chế, chỉ khoảng 30% điều dưỡng viên có trình độ cao đẳng và đại học, còn lại 70% là trung cấp và sơ cấp.

Cũng theo đánh giá của Bộ Y tế, số điều dưỡng bậc đại học ra trường hàng năm, cho đến thời điểm 2015 vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu phát triển của các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập.

Ngoài nhu cầu điều dưỡng viên trong nước, hiện nay nhu cầu này đang mất cân đối trầm trọng giữa cung và cầu ở các nước phát triển, nhất là ở các nước phát triển đang có xu hướng già hóa dân số. Các quốc gia như Nhật, Cộng hòa liên bang Đức, lãnh thổ Đài Loan... đang rất thiếu điều dưỡng viên. Các điều dưỡng viên của nước ta, ngoài năng lực chuyên môn, nếu có trình độ ngoại ngữ tốt, sẽ có cơ hội rất lớn để có việc làm với thu nhập cao khi xuất khẩu sức lao động.

Tóm lại, qua nghiên cứu nhu cầu của xã hội, nhằm đáp ứng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân, cho thấy nguồn nhân lực y tế nói chung và nguồn nhân lực điều dưỡng nói riêng ở nước ta đang trong tình trạng thiếu về số lượng và cả về chất lượng. Do vậy, Trường Đại học Văn Lang đã thành lập Khoa Y Dược để đào tạo điều dưỡng đa khoa nhằm cung cấp đội ngũ điều dưỡng viên đáp ứng nhu cầu hiện tại cũng như đón đầu trong tương lai cho xã hội trong nước và quốc tế.

II. Tóm tắt điều kiện mở ngành đào tạo

1- Năng lực của cơ sở đào tạo:

1.1.Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu ngành đề nghị mở ngành đào tạo:

Trường có đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo về số lượng và chất lượng để có thể đảm nhận được khối lượng giảng dạy cho ngành Điều dưỡng. Tính đến tháng 8 năm 2017, trường có 661 cán bộ, giảng viên, nhân viên trong đó có 517 giảng viên với thành phần như sau: GS 4, PGS 32, TS 69, ThS 301, ĐH 112 (1BS Chuyên khoa II, 1 DS chuyên khoa I và 2 DS Chuyên khoa II).

Số giảng viên cơ hữu của Trường tham gia giảng dạy ngành Điều dưỡng là 31GVCH, bao gồm: **1GS.TS, 5 PGS.TS, 8 TS, 19 ThS.**

Trong số **10** giảng viên cơ hữu chuyên ngành Điều dưỡng/ngành gần (Y học và Y học cộng đồng) có **4 Phó Giáo sư- Tiến sĩ, 1 Tiến sĩ, 5 Thạc sĩ** - đủ điều kiện theo quy định đăng ký mở ngành.

Bảng 1: Danh sách GVCH tham gia giảng dạy CTĐT ngành Điều dưỡng

Số thứ tự	Họ và tên, năm sinh, Chức vụ hiện tại	Chức danh KH, năm phong	Học vị, Nước, Năm tốt nghiệp	Ngành, Chuyên ngành	Học phần /môn học dự kiến đảm nhiệm	Số tín chỉ	Năm, nơi tham gia giảng dạy
10 GVCH điều kiện mở ngành							
1	Nguyễn Văn Thọ, 1948, Giảng viên	PGS, 2010	Tiến sĩ, Việt Nam, 2005	Y học, Tâm thần học và Tâm lý y học	- Tâm lý y học & Y đức. - Giáo dục sức khỏe và kỹ năng giao tiếp	2 3	2016, Trường ĐH Văn Lang
2	Vũ Đình Hùng, 1949, Giảng viên	PGS, 2002	Tiến sĩ, Việt Nam, 1990	Nội khoa: tim thận khớp phổi	- Bệnh học nội khoa - Chăm sóc sức khỏe người bệnh nội khoa	2 3	2017, Trường ĐH Văn Lang

3	Nguyễn Văn Hồng, 1948, Giảng viên	PGS, 2006	Tiến sĩ, Việt Nam, 2002	Y học, CKI Y học cổ truyền	- Y học cổ truyền - Tổ chức y tế và các chương trình y tế quốc gia	2 2	2017, Trường ĐH Văn Lang
4	Trần Trọng Hải, 1948, Giảng viên	PGS, 2006	Tiến sĩ, VN, 1996	Y Dược, PHCN, Nhi	- Chăm sóc sức khỏe trẻ em - Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng	2 2	2008, Trường ĐH Văn Lang
5	Đặng Hoàng Hải, 1952, Giảng viên		Tiến sĩ, Việt Nam, 2009	Y học cộng đồng	- Điều dưỡng cơ sở I. - Điều dưỡng cơ sở II	4 4	2017, Trường ĐH Văn Lang
6	Tạ Thị Hạnh, 1983, Giảng viên		Thạc sĩ, VN, 2013	Tai Mũi Họng	- Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại. - Dịch tễ học	3 2	2017, Trường ĐH Văn Lang
7	Nguyễn Thanh Hiền, 1989, Giảng viên		Thạc sĩ, VN, 2016	Ngoại khoa	- Bệnh học ngoại khoa - Chăm sóc SK người bệnh ngoại khoa	2 4	2017, Trường ĐH Văn Lang
8	Nguyễn Thị Minh Phượng, 1958, Giảng viên		Thạc sĩ, VN,	Y tế Công cộng	- Dân số, KHH gia đình, SK sinh sản - Chăm sóc SK Phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2 3	2017, Trường ĐH Văn Lang

9	Nguyễn Văn Hương, 1958,		Thạc sĩ, VN, 1999	Tâm thần học	- Điều dưỡng chuyên khoa hệ nội -Chăm sóc SK Cộng đồng & CSSK tâm thần	3 2	2017, Trường ĐH Văn Lang
10	Nguyễn Thị Thanh Hà, 1959,		Thạc sĩ, VN,	Y học/ Y tế Công cộng	-Chăm sóc người bệnh truyền nhiễm	2	2017, Trường ĐH Văn Lang
GVCH của Trường giảng dạy các môn đại cương và cơ sở							
11	Lê Văn Hiệp 1948,	Giáo sư Y học, 2009	Tiến sĩ VN, 1991	Y Dược (Vi sinh Y học)	Vi sinh vật	2	2017, Trường ĐH Văn Lang
12	Phan Thị Tuyết 1954, 0988616323		Tiến sĩ VN, 1996	Sinh học	Sinh học và di truyền	3	2017, Trường ĐH Văn Lang
13	Văn Thị Hạnh 1954, 0974924072		Tiến sĩ VN, 2002,	Sinh học (Hóa sinh)	Hóa sinh	2	2017, Trường ĐH Văn Lang
14	Phan Thị Hòa, 1955,		Tiến sĩ, VN, 2005	Dược học	Dược lý học	3	2017, Trường ĐH Văn Lang
15	Trần Hoàng Anh, 1983, Giảng viên		Thạc sĩ, Úc-Việt Nam, 2014	Giảng dạy tiếng Anh	Anh văn 1	3	2008, Trường ĐH Văn Lang

16	Trần Thị Thu Hà, 1986, Giảng viên		Thạc sĩ, Úc -Việt Nam, 2011	Ngôn Ngữ ứng dụng	Anh văn 2	3	2009, Trường ĐH Văn Lang
17	Nguyễn Thị Yên Nhưng, 1986, Giảng viên		Thạc sĩ, Úc, VN 2011	Ngôn ngữ ứng dụng	Anh văn 3	3	2008, Trường ĐH Văn Lang
18	Nguyễn Thị Vân, 1985		Thạc sĩ, Úc, VN 2011	Ngôn ngữ ứng dụng	Anh văn 4	3	
19	Nguyễn Hữu Bình, 1975, Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2004	Luật học	Pháp luật đại cương	2	1998, Trường ĐH Văn Lang
20	Lê Thu Hằng, 1976, Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2004	Triết học	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mac- Lenin	5	2007, Trường ĐH Văn Lang
21	Nguyễn Thị Quỳnh, 1983, Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn giáo dục chính trị	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	2	2008, Trường ĐH Văn Lang
22	Huỳnh Thị Phương Thúy, 1987, Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Triết học	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	2009, Trường ĐH Văn Lang

23	Nguyễn Thu Nguyệt Minh, 1978, Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	- Hệ thống thông tin - Công nghệ thông tin	Tin học căn bản	3	2009, Trường ĐH Văn Lang
24	Lê Thị Kim Oanh, 1974, Giảng viên		Tiến sĩ, Hà Lan, 2012	Kỹ thuật môi trường	Sức khỏe Môi trường	2	2002, Trường ĐH Văn Lang
25	Lê Thị Hồng Thuy, 1986, Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Lý thuyết xác suất và thống kê Toán	Xác suất- Thống kê Y học	2	2008, Trường ĐH Văn Lang
26	Trần Minh Tâm, 1944, Giảng viên chính	PGS 1996	Tiến sĩ, Bungari, 1983	Công nghệ sinh học, bảo quản nông sản	Phương pháp NCKH	2	2017, Trường ĐH Văn Lang
27	Phạm Anh Bính, 1946, Giảng viên		Tiến sĩ, VN, 1975	Y khoa, huyết học, Truyền máu	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	2017, Trường ĐH Văn Lang
28	Trần Thị Minh, 1980, Giảng viên		Thạc sĩ, 2005	Sinh học, Chuyên ngành Sinh lý người và động vật	- Giải phẫu - Sinh lý học	3 3	2017, Trường ĐH Văn Lang
29	Nguyễn Thị Thu Quyên,		Thạc sĩ, VN,	Vật lý hạt nhân	-Vật lý & Lý sinh	2	Trường ĐH Văn Lang

	1981		2008				
30	Nguyễn Huỳnh Mai Hạnh, 1981		Thạc sĩ, 2007	Hóa Hữu cơ	-Hóa đại cương	2	2017, Trường ĐH Văn Lang
31	Võ Doãn Trung , 1987, Giảng viên		Thạc sĩ, 2015	Sinh học - Ký sinh trùng	-Ký sinh trùng	2	2017, Trường ĐH Văn Lang
GV thỉnh giảng							
32	Lê Quốc Hải, 1966, Giảng viên		Thạc sĩ, VN, 1998	Gây mê hồi sức	-Điều dưỡng cấp cứu hồi sức -Quản lý điều dưỡng	2 3	Bệnh viện sản khoa Mê Công
33	Thái Thị Thanh Thủy		BS CK I		-Bệnh học nhi khoa	2	Bệnh viện Nhi đồng 2
34	Lê Thị Hoàng Uyên, 1982		ThS, 2008	Sản phụ khoa	-Bệnh lý phụ sản	2	Bệnh viện sản khoa Mê Công

Như vậy, GVCH của Trường ĐH Văn Lang đảm nhiệm khoảng **84,9%** khối lượng giờ giảng của chương trình đào tạo.

Bảng 2. Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thực hành (10 phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ cho ngành Điều dưỡng)

Số thứ tự	Họ và tên, năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năm	Phụ trách PTN, thực hành	PTN, thực hành phục vụ học phần/ môn học nào trong chương
-----------	---------------------	-------------------------------------	--------------------------	-----------------------------------------------------------

		tốt nghiệp		trình đào tạo
1	Trần Hòa Tú	DS CKI	Phòng thực hành vật lý – Hóa lý	-Vật lý & Lý sinh
2	Trần Hoàng Lan, 1985	ThS. HóaHữucơ	Phòng thực hành Hóa hữu cơ - Hóa dược	-Hóa hữu cơ -Hóa dược
3	Lê Thị Kim Chi, 1962	CK II Y học hóa sinh	Phòng thực hành Dược lý	-Dược lý học
4	Nguyễn Thị Thanh, 1982,	ThS Sinh học, Hóa sinh	Phòng thực hành Sinh học	-Sinh học và di truyền
5	Võ Doãn Trung, 1987	Thạc sĩ, 2015	Phòng thực hành Vi sinh, Ký sinh trùng	- Vi sinh vật - Ký sinh trùng
6	Trần Thị Minh, 1980, Giảng viên	Thạc sĩ, 2005	Phòng thực hành Giải phẫu, sinh lý	- Giải phẫu - Sinh lý học
7	Trần Thị Phương Thảo, 1980	Cử nhân, chuyên khoa I Điều dưỡng	Phòng thực hành điều dưỡng	-Điều dưỡng cơ sở I & II
8	Trịnh Xuân Quang, 1968	Cử nhân, chuyên khoa I Điều dưỡng	Phòng thực hành tiền lâm sàng	Chăm sóc SK người bệnh Nội, Ngoại khoa
9	Nguyễn Quốc Việt, 1974	CK II Ngoại & Tổ chức Y tế	Phòng Phục hồi chức năng và giáo dục sức khỏe	Giáo dục và chăm sóc sức khỏe
10	Nguyễn Thị Thanh	Thạc sĩ,	Phòng thực	- Bệnh lý sản

Hà, 1959	Y tế công cộng	hành sản	- Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ
-------------	----------------	----------	-----------------------------------

1.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

Bảng 3. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Số thứ tự	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			Phòng học (dự kiến)
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học	
1	Phòng học/ giảng đường	86	9.038	Máy chiếu, máy tính, microfone	92, 36, 92	Các môn học lý thuyết và Anh văn	C107, C108, C109
2	Hội trường	4	1.191	Máy chiếu, Màn hình TV cỡ lớn, loa, microfone	5, 8, 5, 5	Các môn lý thuyết chung	C001
3	Máy tính	13	1.178	Bảng, máy tính, mic, máy chiếu	13, 550, 13, 13	Anh văn, Tin học đại cương	C207
4	Nhà thi đấu đa năng	5	11.315	Có danh mục trang thiết bị riêng		GD thể chất	

Bảng 4. Phòng thí nghiệm và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

Số thứ tự	Tên PTN, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
I	Phòng thực hành Hóa hữu cơ – Hóa dược				
1		51	Bơm hút chân không	1	Hóa hữu

2			Tủ sấy chân không	1	Cơ – Hóa Được
3			Cân phân tích điện tử	1	
4			Bộ soi sắc ký bản mỏng	1	
5			Máy đo pH	1	
6			Máy li tâm để bàn	1	
7			Phân cực kế	1	
8			Cân kỹ thuật điện tử	1	
9			Bếp gia nhiệt	2	
10			Bình phân sắc ký	2	
11			Giấy lọc hộp định lượng	2	
12			Giấy lọc hộp định tính	2	
13			Phễu to 1000 ml	4	
14			Micropipet 10 μ l	15	
15			Micropipet 20 μ l	15	
16			Bản mỏng	1	
17			Giấy thấm kali iodat	1	
18			Khay sứ, lỗ nhỏ	15	
19			Burette định lượng 25 ml	20	
II	Phòng thực hành Giải phẫu – Sinh lý				
1		51	Bộ xương người nam cỡ chuẩn	1	Giải phẫu – Sinh lý
2			Mô hình bộ xương người tháo rời	2	
3			Mô hình hộp sọ (7 phần)	2	
4			Mô hình hộp sọ		
5			Mô hình cơ thể bán thân + nội tạng	2	
6			Mô hình cơ thể bán thân hệ cơ	1	
7			Mô hình cơ thể bán thân 12 phần		

8			Mô hình hệ cơ bán thân có đầu	1
9			Mô hình hệ cơ toàn thân	2
10			Mô hình cơ cánh tay - 6 mảnh	2
11			Mô hình giải phẫu toàn thân (có thể tháo rời)	2
12			Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên	3
13			Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới	2
14			Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương đầu-mặt-cổ	2
15			Mô hình giải phẫu hệ tuần hoàn	2
16			Mô hình Tim	3
17			Mô hình giải phẫu hệ hô hấp	2
18			Mô hình phổi	4
19			Mô hình giải phẫu hệ tiêu hoá	3
20			Mô hình giải phẫu hệ tiết niệu	3
21			Mô hình giải phẫu hệ thần kinh	3
22			Mô hình cơ quan sinh dục nam	2
23			Mô hình cơ quan sinh dục nữ	2
24			Mô hình giải phẫu tai mũi họng	3
25			Mô hình mắt (phóng đại)	2
26			Mô hình da phóng đại 70 lần	2
27			Mô hình tai phóng đại	1
28			Mô hình não	1
29			Mô hình não 11 phần	1
30			Mô hình cắt ngang tuỷ sống	3
31			Mô hình cắt dọc qua mũi, miệng, hầu	1
32			Mô hình cắt đứng qua chậu hông nữ	1

33			Mô hình chi trên/ chi dưới cắt lớp	1
34			Mô hình cắt lớp đầu, mặt	2
35			Các tranh giải phẫu-sinh lý máu và tế bào máu	3
36			Các tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên	3
37			Các tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới	3
38			Các tranh giải phẫu hệ cơ, xương đầu, mặt, cổ	3
39			Các tranh giải phẫu-sinh lý hệ tuần hoàn	3
40			Các tranh giải phẫu-sinh lý hệ hô hấp	1
41			Các tranh giải phẫu-sinh lý hệ tiết niệu	1
42			Các tranh giải phẫu-sinh lý hệ thần kinh	1
43			Các tranh giải phẫu-sinh lý hệ sinh dục nam	1
44			Các tranh giải phẫu-sinh lý hệ sinh dục nữ	1
45			Các tranh giải phẫu-sinh lý răng miệng	1
46			Các tranh giải phẫu-sinh lý da	1
47			Các tranh giải phẫu-sinh lý hệ giác quan	1
48			Các tranh giải phẫu-sinh lý hệ thính giác	1
49			Các tranh giải phẫu-sinh lý hệ khứu giác	1
50			Các tranh giải phẫu-sinh lý hệ vị giác	1
51			Bộ tranh giải phẫu tổng thể 64 tranh	Bộ
52			Bộ tranh giải phẫu hệ tiêu hóa 25 tranh	Bộ
53			Bộ tranh giải phẫu hệ hô hấp 12 tranh	Bộ
54			Bộ tranh giải phẫu hệ sinh dục, tiết niệu (18 tranh)	Bộ
55			Bộ tranh giải phẫu hệ tuần hoàn (26 tranh)	Bộ
56			Bộ tranh giải phẫu hệ thần kinh (45 tranh)	Bộ
57			Bộ tranh giải phẫu các giác quan (12 tranh)	Bộ

58			Bộ tranh giải phẫu hệ tiêu nội tiết (4 tranh)	Bộ	
59			Giường bệnh nhân và tủ đầu giường kèm 2 bộ đệm, ga trải giường, nylon trải giường, chăn, gối, đệm nước, đệm hơi,...	3	
III Phòng thực hành Vi sinh – Ký sinh trùng					
1		51	Bể siêu âm	1	Vi sinh – Ký sinh trùng
2			Bếp điện	2	
3			Bình lên men 5 - 10L	2	
4			Bình nón có vòi loại 1	5	
5			Bộ đục lỗ thạch 6-8 mm	5	
6			Bộ dụng cụ lấy bệnh phẩm (phân, nước tiểu, đờm, máu, dịch tiết) để xét nghiệm vi sinh, ký sinh trùng	5	
7			Bộ tiêu bản mẫu các loại trứng, ấu trùng giun	3	
8			Bộ tiêu bản mẫu các loại trứng, ấu trùng giun	3	
9			Bộ tiêu bản mẫu kí sinh trùng sốt rét	3	
10			Bộ tranh về các loại côn trùng truyền bệnh	3	
11			Bộ tranh về các loại côn trùng truyền bệnh	3	
12			Bộ tranh về các loại đơn bào	3	
13			Bộ tranh về các loại giun	3	
14			Bộ tranh về các loại sán lá, sán dây	3	
15			Bộ tranh về các loại vi khuẩn thường gặp	3	
16			Bộ tranh về các phản ứng huyết thanh	3	
17			Bộ tranh về ký sinh trùng sốt rét	3	
18			Bộ tranh về nấm gây bệnh	3	
19			Bộ tranh về virut	3	
20			Buồng đếm hồng cầu	5	
21			Cân kỹ thuật điện tử	2	

22			Cân phân tích điện tử	1
23			Chậu nhựa lớn	5
24			Chậu nhựa vừa	5
25			Cốt chài thủy tinh	10
26			Đèn điện tử ngoại soi sắc ký	1
27			Hộp đựng tiêu bản	2
28			Hộp hấp dụng cụ vô trùng	20
29			Hộp petri	2
30			Kéo	5
31			Khoanh giấy tẩm kháng sinh chuẩn	5
32			Kính hiển vi quang học	15
33			Lò vi sóng	1
34			Ly tâm điện	2
35			Mẫu các loại vacxin tiêm chủng mở rộng	5
36			Mẫu một số huyết thanh	5
37			Máy lắ	1
38			Máy li tâm	1
39			Máy đo quang, ống đo (cuvete) lcm	1
40			Bếp đun cách thủy	1
41			Nồi đun môi trường 1	2
42			Nồi đun môi trường 4	2
43			Nồi hấp tiệt trùng	1
44			Panh gấp	10
45			Panh kẹp	10
46			Patuyn	5
47			Pipetman (10pl - 5000pl)	1

48			Que cấy vi sinh	10	
49			Que gạt inox/thủy tinh	100	
50			Thước kẹp Pammaer độ chính xác 0,02 mm	10	
51			Tủ ẩm		
52			Tủ cấy vô trùng	1	
53			Tủ lạnh	1	
54			Tủ nuôi cấy có điều chỉnh CO2	1	
55			Tủ sấy	1	
56			Hóa chất các loại theo yêu cầu		
IV Phòng thực hành điều dưỡng					
1		51	Bộ dụng cụ rửa tay thường quy và bồn ngâm tay vô khuẩn, rửa tay ngoại khoa.	1	Điều dưỡng cơ sở
2			Cáng, xe cáng bệnh nhân	2	
3			Xe đẩy bệnh nhân	1	
4			Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ	2	
5			Các loại săng	5	
6			Băng các loại	1	
7			Bô, xô, vệt, chậu các loại	1	
8			Đồng hồ bấm giây	1	
9			Nhiệt kế các loại	5	
10			Huyết áp kế các loại	2	
11			Mô hình tiêm mông	2	
12			Mô hình tiêm bắp, tĩnh mạch: cánh tay	2	
13			Mô hình tiêm bắp điện tử	1	
14			Nẹp các loại	3	
15			Mô hình đa năng (nghe tim phổi, đo huyết áp, đếm mạch)	2	

16			Bàn tiêu phẫu	1
17			Mô hình đặt ống thông	1
18			Mô hình rửa dạ dày	2
19			Mô hình thông tiểu nam, nữ	1
20			Mô hình thông tiểu nam trong suốt	1
21			Mô hình thông tiểu nữ trong suốt	1
22			Mô hình chọc dò	1
23			Bộ dụng cụ chườm nóng	2
24			Bộ dụng cụ chườm lạnh	2
25			Bộ dụng cụ tiêm trong da	3
26			Bộ dụng cụ tiêm dưới da	5
27			Bộ dụng cụ tiêm bắp	5
28			Bộ dụng cụ tiêm tĩnh mạch	5
29			Bộ dụng cụ thử test	5
30			Bộ dụng cụ truyền dịch tĩnh mạch	2
31			Bộ dụng cụ truyền máu	2
32			Bộ dụng cụ cho người bệnh uống thuốc	2
33			Bộ dụng cụ bôi thuốc cho người bệnh	2
34			Bộ dụng cụ xịt thuốc mắt, mũi, tai	1
35			Bộ dụng cụ cho ăn bằng đường miệng	1
36			Bộ dụng cụ cho ăn bằng đường thông	1
37			Bộ dụng cụ hút đờm rãi	1
38			Bộ dụng cụ chăm sóc răng miệng	1
39			Bộ dụng cụ rửa mặt	1
40			Bộ dụng cụ chải đầu, gội đầu	1
41			Bộ dụng cụ tắm tại giường	1

42			Bộ dụng cụ thay băng	5
43			Bộ dụng cụ rửa vết thương	5
44			Bộ dụng cụ cắt chỉ vết thương	1
45			Bộ dụng cụ thụt tháo	1
46			Bộ dụng cụ cho người bệnh thở ôxy	2
47			Bộ dụng cụ hút dịch dạ dày, tá tràng	1
48			Bộ dụng cụ rửa dạ dày	2
49			Bộ dụng cụ lấy máu xét nghiệm	1
50			Bộ dụng cụ lấy phân xét nghiệm	1
51			Bộ dụng cụ lấy nước tiểu xét nghiệm	1
52			Bộ dụng cụ lấy dịch tiết xét nghiệm	1
53			Bộ dụng cụ rửa bàng quang	1
54			Bộ dụng cụ chọc dò dịch não tủy	1
55			Bộ dụng cụ chọc dò màng bụng	1
56			Bộ dụng cụ chọc dò màng phổi	1
57			Bộ dụng cụ chọc dò màng tim	1/loại
58			Bộ dụng cụ phòng, chống loét	1
59			Bộ dụng cụ sơ cứu gãy xương cánh tay, cẳng tay, xương đùi, cẳng chân, gãy cột sống,...	2
60			Bộ dụng cụ sơ cứu vết thương đứt động mạch	2
61			Bộ dụng cụ đặt nội khí quản	1
62			Bộ dụng cụ mở khí quản	1
63			Bộ dụng cụ đặt Catheter	1
64			Giường bệnh + tủ đầu giường và trang thiết bị kèm theo như: đệm, gối, khăn trải giường,...	1
V	Phòng thực hành tiền lâm sàng			

1			Bộ dụng cụ cấp cứu (bóng Ambu+ hộp cấp cứu chống sốc)	1	Điều dưỡng Hồi sức Cấp cứu Chăm sóc sức khỏe nội, ngoại khoa
2			Cọc truyền và bộ truyền dịch	1	
3			Bàn tiểu phẫu	1	
4			Huyết áp kế + ống nghe	1	
5			Cân, thước đo chiều cao	1	
6			Tủ thuốc và các thuốc	1	
7			Mô hình rau thai nhi	1	
8			Máy tạo Oxy	1	
9			Hệ thống ôxy	2	
10			Bộ áo choàng vô khuẩn	1	
11			Bộ dụng cụ kiểm tra cổ tử cung	1	
12			Bộ dụng cụ pha sữa nấu bột	1	
13			Bộ dụng cụ khám thai, ống nghe tim thai, thước đo khung chậu nữ.	1	
14			Bộ dụng cụ đặt nội khí quản	2	
15			Máy hút đờm rãi	1	
16			Máy monitoring theo dõi dấu hiệu sinh tồn	1	
17			Mô hình đa năng	1	
18			Bộ dụng cụ mở khí quản	1	
19			Mô hình quá trình viêm loét	1	
20			Bộ dụng cụ đặt Catheter	3	
21			Các loại ống dẫn lưu đang sử dụng: Sonde folley 2 chạc, Sonde folley 3 chạc, Sonde nellaton, Sonde đặt dạ dày	1/loại	
22			Các quy trình cấp cứu,...	1	
23			Bộ dụng cụ chườm lạnh	1	
24			Bộ dụng cụ tiêm trong da	2	
25			Bộ dụng cụ tiêm dưới da	2	

26			Bộ dụng cụ tiêm bắp	2	
27			Bộ dụng cụ tiêm tĩnh mạch	2	
28			Bộ dụng cụ thử test	2	
29			Bộ dụng cụ truyền dịch tĩnh mạch	2	
30			Bộ dụng cụ truyền máu	2	
31			Bộ dụng cụ cho người bệnh uống thuốc	2	
32			Bộ dụng cụ hút dịch dạ dày, tá tràng	2	
33			Bộ dụng cụ rửa dạ dày	2	
34			Bộ dụng cụ thông tiểu nam	2	
35			Bộ dụng cụ thông tiểu nữ	2	
36			Bộ dụng cụ rửa bàng quang	2	
37			Xe đẩy dùng cho bệnh nhân	1	
38			Xe đẩy dụng cụ	1	
39			Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các loại	1/loại	
40			Bộ dụng cụ rửa tay thường quy	1	
41			Các loại băng	10	
42			Các loại băng	10	
43			Bô, xô, vệt, chậu các loại	1	
44			Đèn đọc phim	1	
45			Các loại phim chụp XQ/MRI, CT-scanner điển hình như: Thùng dạ dày, gãy xương,...	1	
46			Giường bệnh đa năng + tủ đầu giường và trang thiết bị kèm theo như: đệm, gối, khăn trải giường,...	1	
VI	Phòng phục hồi chức năng và giáo dục sức khỏe				
1			Bộ tranh vẽ: phòng chống tai nạn thương tích. Tranh vẽ các côn trùng truyền bệnh, vệ sinh lao động, vệ sinh bệnh viện, trường học, trạm y tế, cá nhân, vệ sinh phòng dịch, xử lý chất thải,...	1	Giáo dục Sức

2			Xe đạp liên hoàn Life sphan (PHCN)	bộ	khỏe	
3			Bàn tư vấn GD	1		
4			liuyết áp, ống nghe	1		
5			Tranh về các huyết	1		
6			Nhiệt kế các loại	1		
7			Máy ảnh, ghi âm	1		
8			Bộ tăng âm (Apli, micro, loa)	1		
9			Các vacxin mẫu.	1		
10			Túi thuốc sơ cứu cho tuyến cơ sở.	1		
11			Tủ lạnh thường	1		
12			Cân, đo sức khỏe , đồng hồ đo mạch	1		
13			Thiết bị nghe nhìn và đĩa hình phục vụ Truyền thông giáo dục sức khỏe	1		
14			Bàn vận động	1		
15			Tủ đựng thuốc đông y	1		Phục hồi chức năng
16			âm sắc thuốc đông y, bếp điện	1		
17			Máy điện châm	1		
18			Môi ngải (làm mẫu)	1		
19			Bàn tiểu phẫu	1		
20			Gối, bột tan, túi chườm...	1		
21			Khung tập đi (thanh song song)	1		
22			Giường (phục hồi chức năng)	02 bộ		
23			HA điện tử	01 bộ		
24			Đèn hồng ngoại	3		
25			Giá tập tay	1		
26			Máy massage	1		
27			Đệm massage lưng	01 bộ		

28			Giường massage don	01 bộ	
29			Bàn vận động	1	
30			Đệm vận động cột sống lưng	1	
31			Tạ tay	1	
32			Kính hiển vi quang học (2 mắt -Thị kính	02	
VII	Phòng thực hành sản				
1			Bàn tiểu phẫu	1	Bệnh lý sản, phụ khoa Chăm sóc SK phụ nữ
2			Bàn khám phụ khoa	1	
3			Mô hình rau thai nhi	1	
4			Bàn sản khoa	1	
5			Mỏ vịt phụ khoa	5	
6			Mô hình cơ quan sinh dục nữ	2	
7			Bộ tranh giải phẫu hệ sinh dục, tiết niệu 18 tranh	bộ	
8			Bô, xô, vịt, chậu các loại	1	
9			Mô hình thông tiểu nữ	1	
10			Mô hình thông tiểu nữ trong suốt	1	
11			Bộ dụng cụ thụt tháo	1	
12			Bộ áo choàng vô khuẩn	1	
13			Bộ dụng cụ kiểm tra cổ tử cung	1	
14			Bộ dụng cụ khám thai, ống nghe tim thai, thước đo khung chậu nữ.	1	
15			Bộ dụng cụ thông tiểu nữ	2	
16			Bộ dụng cụ rửa tay thường quy	1	
17			Các loại băng	10	

1.3.Thư viện, giáo trình:

1.3.1.Thư viện:

- Tổng diện tích thư viện: 548 m²
- Số chỗ ngồi: 433
- Phần mềm quản lý thư viện: VL_Library
- Thư viện điện tử: <http://thuvienso.vanlanguni.edu.vn>
- Số sách số hóa Ebook: 657
- Số video: 40

1.3.2.Sách, giáo trình:

Bảng 4. Danh mục sách, giáo trình cho ngành Điều dưỡng

STT	TÊN SÁCH	TÁC GIẢ	NHÀ XB/ NĂM XB	SL	Sử dụng cho môn học
1	Khái niệm về bệnh lý di truyền ở người	Đồng TG: PGS.TS. BS. Cung Bình Trung, ThS. BS. Cung Hồng Sơn	Y học 2007	2	Sinh học và Di truyền
2	Sinh học phân tử	Nguyễn Văn Thanh ch.b	Giáo dục 2011	2	Sinh học và Di truyền
3	Hóa đại cương vô cơ (tập 1)	Đồng TG: PGS.TSKH. Lê Thành Phước (CB), PGS.TS. Phan Tuý, CN. Nguyễn Nhật Thị	Y học 2015	2	Hóa đại cương
4	Hóa học cơ sở	PGS.TSKH. Phan An (CB)	Y học 2012	2	Hóa đại cương

5	Vật lý - Lý sinh Y học (GT)	Đồng TG: PGS.TS. Nguyễn Văn Thiện, PGS.TSKH Phan Sỹ An, TS. Phan Thị Lê Minh, Ths. Đoàn Thị Giáng Hương...	Y học 2015	2	Vật lý và Lý sinh
6	Bài giảng giải phẫu học	Đồng TG: TS. Nguyễn Văn Huy, TS. Lê Hữu Hưng, ThS. Vũ Bá Anh, PGS.TS. Hoàng Văn Cúc, ThS. Ngô Văn Đăng ...	Y học 2012	2	Giải phẫu
7	Giải phẫu bệnh học	Trường đại học Y Tp. Hồ Chí Minh: GS.TS. Nguyễn Văn Hưng (CB), GS. Vũ Công Hòe, GS. Vi Huyền Trác, PGS. Trịnh Quang Huy, PGS.TS. Lê Đình Roanh...	Y học 2016	2	Giải phẫu
8	Giải phẫu - sinh lý (TH)	Đồng TG: TS. Nguyễn Văn Huy, TS. Lê Bá Thúc	Y học 2011	2	Giải phẫu
9	Sinh lý bệnh học	Đồng TG: GS. Nguyễn Ngọc Lanh, GS.TS. Văn Đình Hoa, PGS.TS. Phan Thị Thu	Y học 2016	2	Sinh lý học
10	Sinh lý bệnh miễn dịch	Đồng TG: GS.TS. Văn Đình Hoa, PGS.TS. Phan Thị Thu Anh, PGS.TS. Nguyễn Thị Vinh Hà	Y học 2011	2	Sinh lý học
11	Hóa sinh học (ĐH Dược)	Nguyễn Văn Rư	Y học 2015	2	Hóa sinh
12	Hóa sinh lâm sàng	Trường Đại học Y Tp. Hồ Chí Minh - GS.TS. Tạ Thành Văn (CB)	Y học 2015	2	Hóa sinh

13	Vi sinh vật Y học(BSDK)	Đồng TG: GS.TS. Lê Huy Chính (CB), PGS.TS. Đinh Hữu Dung, PGS.TS. Bùi Khắc Liệu, PGS.TS. Lê Hồng Hình...	Y học 2013	2	Vi sinh vật
14	Vi sinh vật y học (TH)	Đoàn Thị Nguyễn, PGS.TS. Nguyễn Văn Dịp (HD)	Y học 2011	2	Vi sinh vật
15	Ký sinh trùng (BSDK)	Đồng TG: PGS.TS. Phạm Văn Thân(CB), PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Tâm, PGS. Phạm Hoàng Thế...	Y học 2007	2	Ký sinh trùng
16	Ký sinh trùng trong lâm sàng (cử nhân kỹ thuật y học)	Trường Đại học Y Hà Nội-PGS.TS. Nguyễn Văn Đề (CB)	Y học 2013	2	Ký sinh trùng
17	Sinh lý bệnh miễn dịch	Đồng TG: GS.TS. Văn Đình Hoa, PGS.TS. Phan Thị Thu Anh, PGS.TS. Nguyễn Thị Vinh Hà	Y học 2006	2	Sinh lý bệnh - Miễn dịch
19	Dược lý học	PGS.TS.Mai Tất Tố, TS. Vũ Thị Trâm	Y học 2016	2	Dược lý học
20	Dinh dưỡng và vệ sinh thực phẩm	Đồng TG: PGS.TS. Phạm Duy Tường (CB), GS.TSKH. Hà Huy Khôi, TS. Đỗ Thị Hòa, ThS. Trịnh Bảo Ngọc...	Y học 2006	2	Dinh dưỡng - vệ sinh an toàn thực phẩm
21	Dinh dưỡng bệnh lý	PGS.TS. Trần Minh Đạo - ThS. Dzoãn Thị Tường Vi	Y học 2011	2	Dinh dưỡng - vệ sinh an toàn thực phẩm
22	Dinh dưỡng hợp lý và sức khỏe	Đồng TG: GS.TS. Hà Huy Khôi, GS. Từ Giấy (CB), PGS.TS. Phan Thị Kim, GS.TS. Bùi Minh Đức...	Y học 2012	2	Dinh dưỡng - vệ sinh an toàn thực phẩm

23	Dân số học	Trường Đại học Y HN - Bộ môn Dân số học	Y học 2011	2	Dân số - Kế hoạch hóa gia đình - Sức khỏe sinh sản
24	Dịch tễ học	Chủ biên: TS. Vũ Thị Hoàng Lan, ThS. Lê Ngọc Quang	Y học 2011	2	Dịch tễ học
25	Bài giảng y học cổ truyền (tập 1)	Đồng TG: GS. Trần Thuý, PGS. Phạm Duy Nhạc, PGS. Hoàng Bảo Châu.	Y học 2012	2	Y học cổ truyền
26	Bài giảng y học cổ truyền (tập 2)	Đồng TG: GS. Trần Thuý, PGS. Phạm Duy Nhạc, PGS. Hoàng Bảo Châu.	Y học 2011	2	Y học cổ truyền
27	Giáo dục và nâng cao sức khỏe (BSDK)	Bộ Y Tế - CB: Nguyễn Văn Hiến	Y học 2013	2	Sức khỏe môi trường
28	Sức khỏe môi trường (cử nhân)	CB: PGS.TS. Chu Văn Thăng	Y học 2011	2	Sức khỏe môi trường
29	Tổ chức và quản lý Y tế (ĐH)	Đồng TG: GS.TS. Trương Việt Dũng, TS. Nguyễn Duy Luật (CB), TS. Nguyễn Văn Hiến, TS. Vũ Khắc Lương	Y học 2011	2	Tổ chức Y tế và các chương trình y tế
30	Điều dưỡng cơ bản (TH)	Đồng TG: TS. Ngô Toàn Định, BS. Vũ Thục Anh, BS. Tạ Khánh Huệ, CN. Tống Vĩnh Phú...	Y học 2011	2	Điều dưỡng cơ sở I
31	Điều dưỡng cơ bản 1	Phạm Văn Linh, Lê Văn An đ.ch.b Thay bằng TG Lê Thị Bình	Giáo dục Việt Nam 2011 2016	2	Điều dưỡng cơ sở I
32	Điều dưỡng cơ sở II	Hoàng Ngọc Chương, Trần Đức Thái đ.ch.b Thay bằng TG Lê Thị Bình	Giáo dục Việt Nam 2011 2016	2	Điều dưỡng cơ sở II

33	Bệnh học nội khoa tập 1	Trường Đại học Y Tp. Hồ Chí Minh- Đồng TG: PGS.TS. Ngô Quý Châu (CB), GS.TS. Nguyễn Lân Việt, PGS.TS. Nguyễn Đạt Anh, PGS.TS. Phạm Quang Vinh	Y học 2015	2	Nội bệnh lý
34	Bệnh học nội khoa (TH)	BS. Nguyễn Đăng Thụ (CB) và nhóm GV trường THYT Hồ Chí Minh	Y học 2011	2	Nội bệnh lý
35	Điều trị học nội khoa (tập 1)	Đồng TG: GS.TS. Trần Ngọc Ân, PGS.TS. Ngô Quý Châu, GS. Vũ Văn Đính, GS.TS. Nguyễn Thị Dụ, PGS.TS. Phạm Thị Thu Hồ	Y học 2011	2	Chăm sóc sức khoẻ người bệnh Nội khoa
36	Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh nội khoa	Chủ biên: TS. Nguyễn Quốc Anh, PGS.TS. Ngô Quý Châu	Y học 2012 2017	2	Chăm sóc sức khoẻ người bệnh Nội khoa
37	Bài giảng bệnh học ngoại khoa (Y4)	Đồng TG: PGS.TS. Hà Văn Quyết (CB), ThS. Phùng Ngọc Hòa, ThS. Hoàng Văn Hùng, ThS. Trần Hiếu Học	Y học 2016	2	Ngoại bệnh lý
38	Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa	Đồng TG: PGS.TS. Hà Văn Quyết (CB), PGS. Tôn Thất Bách, ThS. Phùng Ngọc Hòa, ThS. Trần Hiếu Học ...	Y học 2016	2	Ngoại bệnh lý
39	Điều dưỡng ngoại khoa	TS. Trần Ngọc Tuấn	Y học 2011	2	Chăm sóc sức khoẻ người bệnh Ngoại khoa

40	Điều dưỡng ngoại khoa (TH)	Đồng TG: TS. Trần Ngọc Tuấn (CB), Ths. Phạm Thanh Sơn, Ths. Trần Việt Tiên, BS. CK1. Vũ Đình Hùng, Ths. Hoàng Hải Đức, BS. Vũ Việt Tân	Y học 2011	2	Chăm sóc sức khoẻ người bệnh Ngoại khoa
41	Bài giảng nhi khoa (tập 1)	Đồng TG: PGS. TS. Nguyễn Gia Khánh (CB), GS. TSKH. Lê Lan Trà, GS. TS. Trần Quy, PGS. TS. Nguyễn Thị Phương	Y học 2013	2	Nhi bệnh lý
42	Bài giảng nhi khoa (tập 2)	Đồng TG: Lê Nam Trà (CB), PGS. TS. Phạm Nhật An, BSCKII. Nguyễn Thị Kim Anh, PGS. TS. Tô Văn Hải ... Thay bằng TG Nguyễn Gia Khánh, Phạm Nhật An, Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà, Trần Đình Long, ...	Y học 2013	2	Nhi bệnh lý
43	Điều dưỡng nhi khoa cơ bản	PGS. TS Lê Thanh Hải	Y học 2017	2	Chăm sóc sức khoẻ trẻ em
44	Bài giảng sản phụ khoa (tập 1)	Đồng TG: GS. Dương Thị Cương (CB), PGS. TS. Trần Hán Chúc, PGS. TS. Nguyễn Đức Hình, TS. Phạm Thị Hoa Hồng ...	Y học 2016	2	Sản bệnh lý

45	Bài giảng sản phụ khoa (tập 2)	Đồng TG: TS. Nguyễn Đức Vy (CB), GS. Nguyễn Khắc Liêu, PGS. Trần Thị Phương Mai, ThS. Nguyễn Đức Hình ...	Y học 2016	2	Sản bệnh lý
46	Điều dưỡng sản phụ khoa (Cử nhân điều dưỡng)	Đồng TG: PGS.TS. Cao Ngọc Thành (CB), TS.Lê Văn An, BS.Lê Thị Lục Hà, BSCKII.Trần Đức Thái, BS.Đào Nguyễn Diệu Trang	Y học 2013	2	Chăm sóc sức khoẻ phụ nữ, bà mẹ và gia đình
47	Điều dưỡng sản phụ khoa(TH)	PGS.Trần Hán Chúc	Y học 2011	2	Chăm sóc sức khoẻ phụ nữ, bà mẹ và gia đình
48	Chăm sóc bệnh trong gia đình (Tập 1)	Đồng TG: Hoàng Gia (CB), Bùi Đức Dương, Vũ Đình Quý	Y học 2009	2	Chăm sóc sức khoẻ phụ nữ, bà mẹ và gia đình
49	Chăm sóc bệnh trong gia đình (Tập 2)	Đồng TG: Hoàng Gia (CB), Bùi Đức Dương, Vũ Đình Quý	Y học 2009	2	Chăm sóc sức khoẻ phụ nữ, bà mẹ và gia đình
50	Bệnh học viêm và các bệnh nhiễm khuẩn	Đồng TG: PGS. TS. Lê Đình Roanh, Ths. Nguyễn Văn Chủ	Y học 2009	2	Chăm sóc sức khoẻ người bệnh truyền nhiễm
51	Nhiễm khuẩn tiết niệu	Đồng TG: TS. Trần Văn Hình, TS. Hoàng Mạnh An	Y học 2008	2	Chăm sóc sức khoẻ người bệnh truyền nhiễm

52	Phục hồi chức năng	Đồng TG: GS.TS. Nguyễn Xuân Nghiên, PGS.TS. Cao Minh Châu, PGS.TS. Vũ Thị Bích Hạnh.	Y học 2016	2	Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng
53	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	Bộ Y Tế	Y học 2011	2	Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng
54	Bài giảng gây mê hồi sức (tập 1)	Đồng TG: GS. Nguyễn Thụ (CB), GS.TS.Đào Văn Phan, PGS.TS.Phan Đình Kỳ, PGS.TS. Nguyễn Văn Chùng	Y học 2014	2	Điều dưỡng cấp cứu hồi sức
55	Bài giảng gây mê hồi sức (tập 2)	Đồng TG: GS. Nguyễn Thụ (CB), GS.TS.Đào Văn Phan, PGS.TS.Phan Đình Kỳ, PGS.TS. Nguyễn Văn Chùng	Y học 2015	2	Điều dưỡng cấp cứu hồi sức
56	Kinh tế y tế (cử nhân công cộng)	ĐồngTG: TS.BS Vũ Xuân Phú (CB), Ths. BS. Đặng Vũ Trung	Y học 2008	2	Quản lý điều dưỡng
57	Quản lý y tế	Đồng TG: TS.Nguyễn Duy Liệu , PGS.TS. Trương Việt Dũng(CB)...	Y học 2006	2	Quản lý điều dưỡng
58	Bài giảng kỹ năng giao tiếp cho sinh viên y khoa	Trường Đại học Y Tp. Hồ Chí Minh - CB: PGS.TS. Nguyễn Văn Hiến, TS Lê Thu Hòa	Y học 2014	2	Giáo dục sức khỏe và kỹ năng giao tiếp
59	Tâm lý học y học – Y đức	Nguyễn Huỳnh Ngọc	NXB Giáo dục 2010	2	Tâm lý y học – Y đức

60	Điều dưỡng nhi khoa cơ bản	PGS.TS. Lê Thanh Hải	NXB Y học 2017	2	Chăm sóc sức khỏe trẻ em
61	Điều dưỡng truyền nhiễm	Lê Văn An, Nguyễn Thị Kim Hoa, Dương Thị Ngọc Lan	NXB Giáo dục 2017	2	Chăm sóc SK người bệnh truyền nhiễm
62	Điều dưỡng các bệnh nội khoa tập 1	Lê Thị Bình, Nguyễn Văn Chi, Nguyễn Đạt Anh	NXB Giáo dục 2017	2	Điều dưỡng chuyên khoa hệ nội
63	Điều dưỡng các bệnh nội khoa tập 2	Lê Thị Bình, Nguyễn Văn Chi, Nguyễn Đạt Anh	NXB Giáo dục 2017	2	Điều dưỡng chuyên khoa hệ nội
64	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại	Phạm Thị Kim Dung, Cù Thị Định, Bùi Thị Tuyết Anh	NXB Y học 2011	2	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại
65	-Phương pháp nghiên cứu sức khỏe -Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	-Tổ chức Y tế Thế giới -Nguyễn Văn Lơ	NXB Y học 2003 2013	2 2	Phương pháp NCKH
66	-Phương pháp NCKH trong Y khoa - Nghiên cứu khoa học trong y học, T1: Phương pháp viết đề cương nghiên cứu	Nguyễn Đỗ Nguyên Thay bằng Lưu Ngọc Hoạt	-ĐH Y Dược TP.HCM -Y học 2006 2015	2 2	Phương pháp NCKH
67	Tâm lý học y học	Đồng TG: PGS.Ts Nguyễn Văn Nhật(CB), PGS.TS. Nguyễn Sinh Phúc	Y học 2006	2	
68	Pháp luật đại cương	Mai Hồng Quỳnh	ĐH Sư Phạm 2015	4	

1.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học:

Trường Đại học Văn Lang xác định sứ mạng “đào tạo nhân lực và nghiên cứu khoa học” phù hợp nhu cầu thị trường lao động và định hướng phát triển đất nước của Chính phủ. Vì vậy, Nhà trường chủ trương hoạt động nghiên cứu khoa học phải mang lại hiệu quả thiết thực, đáp ứng nhiệm vụ của Nhà trường và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam.

Những năm qua, hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Đại học Văn Lang tập trung chủ yếu trong các lĩnh vực khoa học công nghệ và kinh tế như: Công nghệ môi trường, Công nghệ sinh học, Kế toán kiểm toán, Quan hệ công chúng, Du lịch, Mỹ thuật công nghiệp,... Trong đó, một số đề tài thuộc cấp Thành phố và cấp quốc tế (Khoa Công nghệ & Quản lý môi trường).

Giai đoạn từ năm 2010 đến 2016, Trường Đại học Văn Lang có 22 đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH) của giảng viên đã được nghiệm thu, trong đó có 03 đề tài hợp tác quốc tế, 19 đề tài cấp cơ sở; thực hiện chuyển giao công nghệ được 09 đề tài, trong đó 02 đề tài hợp tác quốc tế và 07 đề tài cấp cơ sở với tổng kinh phí ước tính 3,571 tỉ đồng (Bảng 2).

Bảng 5. Số lượng đề tài NCKH của giảng viên giai đoạn 2010 - 2016

Năm	Đơn vị chủ trì	Cấp đề tài	Số lượng
Năm 2010	Khoa Khoa học cơ bản	Cấp cơ sở	01
	Khoa CN&QL Môi trường	Cấp TP/Tỉnh	01
Năm 2011	Khoa CN&QL Môi trường	Cấp cơ sở	05
Năm 2012	Khoa Ngoại ngữ	Cấp cơ sở	01
	Khoa kế toán kiểm toán	Cấp cơ sở	01
	Khoa CN&QL Môi trường	Hợp tác quốc tế	01
Năm 2013	Khoa Ngoại ngữ	Cấp cơ sở	02
	Dự án CMU	Cấp cơ sở	01
	Khoa CN&QL Môi trường	Hợp tác quốc tế	01

Năm	Đơn vị chủ trì	Cấp đề tài	Số lượng
		tế	
Năm 2014	Trung tâm thông tin – Thư viện	Cấp cơ sở	01
	Khoa CN&QL Môi trường	Cấp TP/Tỉnh	01
		Cấp cơ sở	01
Năm 2015	Trung tâm thông tin – Thư viện	Cấp cơ sở	01
	Khoa CN&QL Môi trường	Cấp cơ sở	01
Năm 2016	Khoa Ngoại ngữ	Cấp cơ sở	01
	Khoa CN&QL Môi trường	Cấp TP/Tỉnh	01
		Hợp tác quốc tế	01
Tổng cộng:			22
Trong đó: Đề tài NCKH cấp cơ sở 16, cấp TP/tỉnh 03, hợp tác quốc tế 03			

Về hoạt động công bố các công trình nghiên cứu, số lượng bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học là 50, trong đó số lượng bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học trong nước là 26 và trên các tạp chí khoa học quốc tế là 24.

Bảng 6. Số lượng bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học giai đoạn 2010 - 2016

Năm	Đơn vị chủ trì	Số lượng bài báo công bố	
		Trong nước	Quốc tế
Năm 2010	Khoa CN&QL Môi trường	02	03
Năm 2011	Khoa CN&QL Môi trường	05	05
Năm 2012	Khoa CN&QL Môi trường	03	
Năm 2013	Khoa CN&QL Môi trường	04	03
Năm 2014	Khoa CN&QL Môi trường	04	03
Năm 2015	Khoa CN&QL Môi trường	04	07
Năm 2016	Khoa CN&QL Môi trường	01	03
	Khoa Mỹ Thuật Công Nghiệp	01	

Năm	Đơn vị chủ trì	Số lượng bài báo công bố	
		Trong nước	Quốc tế
	Khoa Kế toán Kiểm toán	01	
	Khoa Quản trị kinh doanh	01	
	Tổng cộng:	26	24

Về công tác biên soạn tài liệu, giáo trình, Trường đã đầu tư 379,800 triệu đồng xuất bản 18 giáo trình phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập của sinh viên.

Về công tác NCKH của sinh viên, có 358 đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên đã được nghiệm thu đạt loại khá, tốt với tổng kinh phí 604,639 triệu đồng.

Bảng 7. Số lượng đề tài NCKH của sinh viên, học viên giai đoạn 2010 - 2016

Năm học	Số lượng đề tài khối kinh tế - xã hội	Số lượng đề tài khối kỹ thuật	Tổng số đề tài
2010 - 2011	44	21	65
2011 - 2012	45	10	55
2012 - 2013	03	19	22
2013 - 2014	67	27	94
2014 - 2015	61	14	75
2015 - 2016	38	09	47
Tổng cộng:	258	100	358

Có 25 đề tài NCKH sinh viên tham gia dự thi đạt các loại giải thưởng, trong đó có 14 giải thưởng Sinh viên NCKH cấp Bộ, 04 giải thưởng Éureka cấp thành phố và 07 giải thưởng Loa Thành do Hội Kiến trúc sư Việt Nam tổ chức (Bảng 5).

**Bảng 8. Số lượng đề tài NCKH của sinh viên đạt giải thưởng
giai đoạn 2010 - 2016**

Năm	Đơn vị nhận giải	Giải thưởng SV NCKH cấp bộ	Giải thưởng Éureka	Giải thưởng Loa Thành
Năm 2011	Khoa CN&QL	01 giải nhất		
	Môi trường	01 giải KK		
	Khoa Kiến trúc – Xây dựng			01 giải ba 01 giải KK
Năm 2012	Khoa Kế toán kiểm toán	01 giải nhì		
	Khoa CN&QL Môi trường	04 giải KK	01 giải luận văn tốt nghiệp xuất sắc	
	Khoa Kiến trúc – Xây dựng			01 giải KK
Năm 2013	Khoa Kiến trúc – Xây dựng		01 giải nhì	01 giải ba
	Khoa CN&QL Môi trường	01 giải nhì 01 giải KK	01 giải luận văn tốt nghiệp xuất sắc	
	Khoa Kế toán kiểm toán	01 giải KK		
	Khoa Quan hệ CC&TT	01 giải KK		
Năm 2014	Khoa Quan hệ CC&TT	01 giải KK		
	Khoa Kiến trúc – Xây dựng		01 giải ba	02 giải hội đồng
	Khoa CN&QL	01 giải ba		

Năm	Đơn vị nhận giải	Giải thưởng SV NCKH cấp bộ	Giải thưởng Éureka	Giải thưởng Loa Thành
	Môi trường	01 giải KK		
Năm 2016	Khoa Kiến trúc – Xây dựng			01 giải hội đồng
Tổng cộng:		14 giải	04 giải	07 giải

Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được thực hiện thường niên ở hầu hết ngành đào tạo. Một số đề tài đạt giải cao ở các cuộc thi cấp Thành phố, cấp Bộ (Kiến trúc – Xây dựng, Mỹ thuật Công nghiệp), trong đó có đề tài được doanh nghiệp mua bản quyền.

1.5. Hợp tác quốc tế:

Trường Đại học Văn Lang chú trọng tạo điều kiện hỗ trợ các đơn vị tăng cường hoạt động trao đổi học thuật, hội thảo chuyên ngành với các trường đại học, các tổ chức quốc tế. Quan hệ hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa với Tổ chức cộng đồng Pháp ngữ (AUF), Đại học Pepignat (Pháp), Đại học Carnegie Mellon (Mỹ), Đại học Wageningen (Hà Lan) được duy trì trong nhiều năm. Năm 2016, Nhà trường chủ trương mở rộng hoạt động hợp tác quốc tế nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo và nghiên cứu. Một số thỏa thuận đã ký kết và triển khai với Đại học Lincolt, Đại học Binary (Malaysia), Đại học Induk, Đại học Sedan (Hàn Quốc), Học viện Nghệ thuật Poh Chang (Thái Lan), Viện Quản trị quốc tế (Thụy Sĩ), Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc (ACCA).

Thông qua các quan hệ quốc tế, Trường đã tìm được các học bổng cho giảng viên và sinh viên. Từ năm 2010 đến 2016, Trường đã nhận được 6 học bổng cho sinh viên học tập tại Pháp, 25 sinh viên được nhận học bổng Boeing và 10 sinh viên được nhận học bổng khuyến học CSC Việt Nam của khoa Công nghệ thông tin, 3 học bổng cho cán bộ và giảng viên học thạc sĩ, nghiên cứu sinh tại Hà Lan, Nhật, Pháp, Áo và một số học bổng tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, tập huấn tại Mỹ, Pháp, Nhật, Hàn Quốc, Thái Lan, Đức. Bên cạnh đó,

Trường chủ động đưa các đoàn cán bộ và giảng viên tham dự hội thảo kết hợp tham quan học tập tại các trường đại học khác nhau trên thế giới để học hỏi kinh nghiệm cải tiến chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của mỗi ngành trong Trường. Qua các năm, Trường đều nhận được tài trợ học bổng cho sinh viên, sách cho Thư viện cũng như cơ sở vật chất,... từ Tổ chức AUF (Pháp), Tổ chức Catholic Relief Services (Mỹ).

2- Tóm tắt chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo (bao gồm cả đối tượng và điều kiện tuyển sinh, dự kiến tuyển sinh trong 3 năm đầu);

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐHVL-TTr

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2017

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Hiệu trưởng)

Tên chương trình: **Chương trình đào tạo cử nhân điều dưỡng**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Điều dưỡng**

Mã số: **52720501.**

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo Cử nhân Điều dưỡng có y đức, có ý thức phục vụ người bệnh, có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề theo tiêu chuẩn, năng lực nghề điều dưỡng ở trình độ đại học; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng tự học, tự bồi dưỡng, tự cập nhật kiến thức để đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể: (Kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí làm việc sau tốt nghiệp, trình độ Ngoại ngữ, Tin học,...)

Về kiến thức

Người điều dưỡng có kiến thức vững vàng về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học cơ sở khối ngành khoa học sức khỏe; có kiến thức chuyên sâu về ngành điều dưỡng; các nguyên tắc thực hành điều dưỡng, chăm sóc người bệnh; có kiến thức vững vàng về sự tác động qua lại giữa môi trường và sức khỏe con người, về các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Về kỹ năng

- Thực hiện đầy đủ và thành thạo quy trình điều dưỡng, lập kế hoạch thực hiện và tổ chức thực hiện quy trình điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh.
- Thực hành đảm bảo sự an toàn, đảm bảo chất lượng, chăm sóc toàn diện ổn định và liên tục. Cung cấp môi trường chăm sóc an toàn và quản lý nguy cơ.
- Tổ chức thực hiện tốt y lệnh của thầy thuốc, đề xuất các biện pháp xử lý hợp lý, phối hợp với thầy thuốc để chăm sóc và nâng cao sức khỏe người bệnh.
- Sử dụng thuốc hợp lý, an toàn.
- Thực hành chăm sóc phù hợp với văn hóa người bệnh. Có đủ khả năng cung cấp và hợp tác trong chăm sóc, thông tin giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng. Thực hiện các mối quan hệ hợp tác trong nhóm chăm sóc sức khỏe.
- Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng.
- Tham gia phòng bệnh và phát hiện sớm các dịch bệnh tại địa phương, đề xuất các biện pháp phối hợp để phòng chống dịch.
- Áp dụng Y học cổ truyền trong công tác chăm sóc và phòng bệnh.
- Tham gia công tác quản lý ngành, thực hành nghiên cứu khoa học điều dưỡng, tham gia đào tạo nhân viên điều dưỡng.

Thái độ:

Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân; Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật, của ngành y tế, của đơn vị ; Tạo sự an toàn, thoải mái và kín đáo cho người bệnh.

Thường xuyên có thái độ phục vụ người bệnh ân cần, chu đáo; Đảm bảo người bệnh được chăm sóc toàn diện, liên tục; Tận tụy, cẩn trọng trong thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ

Tích cực với những đổi mới và những quan điểm trái chiều, thể hiện sự lắng nghe các kiến nghị và đề xuất, thử nghiệm những phương pháp mới và thích nghi với những thay đổi

Trung thực trong nghề nghiệp, đề xuất các giải pháp thích hợp dựa trên kết quả nghiên cứu; Thể hiện tác phong và tư cách tốt, trang phục phù hợp, lời nói thuyết phục và cách cư xử đúng mực ; Hợp tác với các thành viên nhóm chăm sóc một cách hiệu quả

Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:

- Có thể làm việc ở các bệnh viện và các cơ sở chăm sóc sức khoẻ từ trung ương tới cơ sở, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp y tế.
- Cơ hội làm việc tại Trung tâm chăm sóc người cao tuổi tại Nhật Bản, Đức,... và cơ hội làm việc tại các Quốc gia trong khối ASEAN,
- Sau khi tốt nghiệp, có thể học liên thông lên trình độ đại học theo quy định của Bộ Giáo dục -Đào tạo và Bộ Y tế nếu có nguyện vọng và đủ điều kiện.

Trình độ Ngoại ngữ, Tin học:

- Có kiến thức cơ bản về tin học và ngoại ngữ để phục vụ công tác chuyên môn:

+Đọc, hiểu các bài báo tiếng Anh chuyên ngành

+Sử dụng được các phần mềm ứng dụng phổ biến và có khả năng sử dụng phần mềm quản lý bệnh viện

2. Chuẩn đầu ra:

2.1. Kiến thức:

- Xác định được sự thay đổi thể chất, tâm lý, sinh lý liên quan đến tình trạng sức khỏe của người bệnh
- Giải thích được tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người
- Thu thập thông tin và phân tích các vấn đề về sức khỏe, bệnh tật để xác định các vấn đề về sức khỏe và bệnh tật của cá nhân, gia đình và cộng đồng
- Xác định ưu tiên chăm sóc dựa trên nhu cầu của người bệnh, gia đình và cộng đồng
- Đề xuất biện pháp duy trì, cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe cá nhân và cộng đồng
- Xác định vấn đề nghiên cứu phù hợp, cần thiết, khả thi; ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực hành điều dưỡng

2.2. Kỹ năng

- Áp dụng quy trình điều dưỡng để nhận định, xác định vấn đề ưu tiên của người bệnh, cá nhân, cộng đồng để lập kế hoạch chăm sóc và can thiệp điều dưỡng phù hợp
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng cơ bản và nâng cao của chuyên khoa, theo sự phân công của điều dưỡng phụ trách
- Ra quyết định chăm sóc phù hợp với nhu cầu của các cá nhân, gia đình và cộng đồng
- Quản lý, ghi chép và sử dụng hồ sơ bệnh án đúng qui định
- Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng, thông tin giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng phù hợp với chuyên môn nghề nghiệp và văn hoá
- Thực hiện được việc sơ cứu, cấp cứu ban đầu các trường hợp bệnh nặng, tai nạn
- Sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả
- Tham gia tổ chức và đào tạo cán bộ điều dưỡng, đào tạo liên tục cho mình và các nhân viên y tế khác

- Thiết lập mối quan hệ tốt với người bệnh, gia đình và nhân viên y tế khác
- Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, gia đình và nhân viên y tế khác
- Quản lý, Vận hành các trang thiết bị, phương tiện sử dụng trong chăm sóc bảo đảm an toàn, hiệu quả và phòng tránh nhiễm khuẩn liên quan đến chăm sóc y tế
- Thiết lập môi trường làm việc an toàn hiệu quả, phát hiện, báo cáo và đưa ra các hành động khắc phục phù hợp các nguy cơ trong môi trường chăm sóc người bệnh

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Người điều dưỡng thực hành nghề nghiệp theo luật pháp, chính sách của nhà nước và đạo đức nghề nghiệp về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân.
 - Trung thực, khách quan, thận trọng, làm việc hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp, chân thành hợp tác với đồng nghiệp.
 - Lấy bệnh nhân và gia đình của họ làm trung tâm.
 - Tôn trọng quyền và lợi ích của người bệnh.
 - Có ý thức phát triển nghề nghiệp, học tập liên tục và suốt đời.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Bao gồm 126 tín chỉ không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục an ninh Quốc phòng, được phân bổ như sau:

TT	Khối lượng học tập	Số tín chỉ
1	Kiến thức Giáo dục đại cương: không kể các nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng	35
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	91
	Kiến thức cơ sở ngành	24
	Kiến thức ngành (kể cả chuyên ngành)	41
	Kiến thức bổ trợ (tự chọn)	10
	Thực tế nghề nghiệp	10

	Khóa luận tốt nghiệp hoặc khoá luận	06
	Tổng cộng	126

4. Đối tượng tuyển sinh

Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- *Quy trình đào tạo*: Theo hệ thống tín chỉ. Thực hiện theo qui chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Điều kiện tốt nghiệp*: Kết thúc khoá học, những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây thuộc diện xét tốt nghiệp và được công nhận tốt nghiệp:

+ Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.

+ Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

+ Có trình độ tiếng Anh đạt trình độ bậc 3 (Tương đương B1 theo khung tham chiếu năng lực ngoại ngữ chung Châu Âu).

+ Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và Giáo dục Thể chất.

+ Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

6. Cách thức đánh giá

Thang điểm A,B,C,D,E,F theo hệ thống tín chỉ.

7. Nội dung chương trình

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương				
<i>Các môn chung</i>				
1	Những nguyên	-Những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương	5TC (LT: 5	

	lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin	pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lê nin; Học thuyết kinh tế của CN Mác – Lê nin về phương thức SX của CNTB; những nội dung cơ bản của CNXH	TH: 0) Số giờ:-LT:75 -TH:0 -Tự học:150	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tính hệ thống về tư tưởng đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh; Vận dụng sáng tạo trong tình hình cụ thể đất nước, có định hướng đúng đắn và có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn hiện nay	2TC (LT: 2) TH: 0) Số giờ:-LT:30 -TH:0 -Tự học:60	
3	Đường lối CM của Đảng CSVN	Xây dựng trên nền tảng kiến thức của môn Lịch sử Đảng, có bổ sung những kiến thức mới cho phù hợp với thực tiễn của đất nước trong giai đoạn hiện nay.	3TC (LT: 3) TH: 0) Số giờ:-LT:45 -TH:0 -Tự học:90	
4	Anh Văn 1	Rèn luyện các kỹ năng, sau khi kết thúc học phần, SV có thể: - Giao tiếp bằng tiếng Anh trong một số tình huống giao tiếp xã hội hàng ngày - Nghe hiểu nội dung các đoạn video hội thoại hoặc đọc thoại ngắn. - Đọc hiểu về những chủ đề quen thuộc trong cuộc sống. - Xây dựng kỹ năng học tập độc lập và làm việc nhóm một cách hiệu quả. - Mở rộng kiến thức về các nền văn hoá trên thế giới và trong môi	3TC (LT: 3) TH: 0) Số giờ:-LT:45 -TH:0 -Tự học:90	

		trường giao tiếp trong công việc.		
5	Anh văn 2	Như trên	3TC (LT: 3 TH: 0) Số giờ:-LT:45 -TH:0 -Tự học:90	
6	Anh văn 3	Như trên	3TC (LT: 3 TH: 0) Số giờ:-LT:45 -TH:0 -Tự học:90	
7	Anh văn 4	<ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp xã hội cũng như các tình huống trong môi trường công việc. - Chuẩn trình độ tiếng Anh khi sinh viên tốt nghiệp tối thiểu là TOEIC 450 hoặc tương đương. - Có khả năng tham khảo sách chuyên môn 	3TC (LT: 3 TH: 0) Số giờ:-LT:45 -TH:0 -Tự học:90	
8	Tin học căn bản	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm rõ được nhu cầu phát triển CNTT tại Việt Nam và thế giới. - Hiểu rõ các khái niệm về mạng máy tính, Internet và các dịch vụ được cung cấp trên môi trường mạng Internet. - Nắm bắt được kỹ thuật soạn thảo văn bản, thiết kế tài liệu trình chiếu và xử lý bảng tính. Thực hành chuyên sâu với bộ phần mềm Microsoft 	3TC (LT: 1 TH: 2) Số giờ:-LT:15 -TH:30 -Tự học:60	

		Office 2010 và biết ứng dụng bộ phần mềm này trong môi trường cộng tác trên mạng. - Hiểu rõ về cách thức làm việc và học tập trên môi trường mạng.		
9	Giáo dục Thể chất	- Học phần này cung cấp cho sinh viên về lịch sử phát triển, vai trò tác dụng của việc tập luyện thể dục thể thao, các yếu tố thiên nhiên ảnh hưởng đến quá trình tập luyện môn cầu lông, môn bóng chuyền. Các bài tập khởi động chung và khởi động chuyên môn.	9TC (LT: 2 TH: 7) Số giờ:-LT:30 -TH:210 -Tự học:165	
10	Quốc phòng - An ninh*	- Nội dung: Ban hành theo quyết định số 81/2007/QĐ -BGDDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng và an ninh trình độ Đại học và Cao đẳng.	11TC (LT: 8 TH: 3) Số giờ:-LT:120 -TH:90 -Tự học:285	
Các môn khối ngành				
11	Xác suất - Thống kê y học	-Lý thuyết xác suất là phân nghiên cứu các biến cố ngẫu nhiên, xác suất xảy ra các biến cố. -Thống kê toán học sử dụng một số kiến thức về lý thuyết xác suất để nghiên cứu các vấn đề ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết thống kê và phân tích hồi quy.	2TC (LT: 2 TH: 0) Số giờ:-LT:30 -TH:0 -Tự học:60	

		Học phần này làm cơ sở để áp dụng giải quyết vấn đề về lý thuyết độ tin cậy...trong nghiên cứu Y học.		
12	Tâm lý y học - Đạo đức Y học	- Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về tâm lý y học, đạo đức học, đạo đức y học (trong đó có đạo đức của người điều dưỡng). Vận dụng kiến thức về tâm lý y học trong giao tiếp, chăm sóc người bệnh, trong giao tiếp với đồng nghiệp và cộng đồng. Vận dụng những nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp.	2TC (LT: 2 TH: 0) Số giờ:-LT:30 -TH:0 -Tự học:60	
13	Pháp luật đại cương	Những vấn đề lý luận cơ bản về thực hiện pháp luật, ý thức pháp luật, pháp chế Xã Hội Chủ Nghĩa, vấn đề tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay. Việc nghiên cứu học tập những nội dung cơ bản này là một nhu cầu cấp bách, có ý nghĩa rất quan trọng khi Đảng và nhà nước ta đang chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.	2TC (LT: 2 TH: 0) Số giờ:-LT:30 -TH:0 -Tự học:60	
14	Phương pháp NC khoa học	- Nội dung gồm các kiến thức về bản chất logic của nghiên cứu khoa học và các giả thuyết khoa học. Phương pháp xây dựng cơ sở lý luận của đề	2TC (LT: 2 TH: 0) Số giờ:-LT:30 -TH:0	

		tài nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập và hướng xử lý thông tin, trình tự thực hiện đề tài. Cách viết một đoạn văn khoa học. Hướng dẫn viết luận văn tốt nghiệp, chuẩn bị file báo cáo và kỹ năng thuyết trình.	-Tự học:60	
Tự chọn 1 trong 3 học phần				
15	Hóa đại cương	<ul style="list-style-type: none"> - Những kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết cấu tạo các nguyên tố, chất hóa học. - Các quy luật về sự vận động và biến đổi của các chất, chiều hướng và giới hạn của các quy trình hóa học xảy ra trong phòng thí nghiệm và trong cơ thể. 	2TC (LT: 1 TH: 1) Số giờ:-LT:15 -TH:30 -Tự học:45	
16	Sinh học và Di truyền	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh học tế bào: cấu tạo, thành phần hóa học, sự vận chuyển các chất qua màng tế bào, sự quang hợp và hô hấp tế bào, cơ sở vật chất của di truyền, các quy luật di truyền, sự phân bào, đột biến gen, đột biến nhiễm sắc thể, sự tiến hóa của sinh giới. 	2TC (LT: 1 TH: 1) Số giờ:-LT:15 -TH:30 -Tự học:45	
17	Vật lý và Lý sinh	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Nội dung</i> bao gồm những kiến thức cơ bản về các dạng vận động vật lý và các quy luật của nó trong thế giới tự nhiên; Nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán, điều trị, chăm sóc; Các ứng dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ 	2TC (LT: 1 TH: 1) Số giờ:-LT:15 -TH:30 -Tự học:45	

		mục đích bảo vệ cơ thể và môi trường; Thực hiện được một số phương pháp đo lường trong vật lý - lý sinh tại phòng thực tập.		
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				
Học phần bắt buộc				
18	Giải phẫu	Nội dung chủ yếu là cung cấp những kiến thức cơ bản về vị trí, hình thể, liên quan và cấu tạo của các bộ phận và cơ quan trong cơ thể. cấu trúc vi thể của các mô và những bộ phận chủ yếu qua kính hiển vi quang học. Mô tả sự hình thành và phát triển của phôi từ khi thụ tinh đến giai hình thành, liên hệ những kiến thức về giải phẫu, mô học trên cơ thể sống và áp dụng vào các Học phần khác của ngành điều dưỡng	3TC (LT: 2 TH: 1) Số giờ:-LT:30 -TH:30 -Tự học:75	
19	Sinh lý học	- Cung cấp những kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của các cơ quan, hệ thống các cơ quan trong cơ thể con người và điều hòa chức năng trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường. Quan sát hoạt động sinh lý một số chức năng và cơ quan chủ yếu trên động vật thí nghiệm.	3TC (LT: 2 TH: 1) Số giờ:-LT:30 -TH:30 -Tự học:75	
20	Hóa sinh	- Cung cấp những kiến thức cơ bản về hóa sinh bao gồm các loại sinh chất chủ yếu của cơ thể sống và chuyển hóa của chúng ở tế bào, xúc tác	2TC (LT: 1 TH: 1) Số giờ:-LT:15 -TH:30	

		sinh học, năng lượng sinh học và chuyển hóa năng lượng. Quan sát, thực hiện và hiểu được ý nghĩa kết quả của một số xét nghiệm cơ bản về hóa sinh lâm sàng. Vận dụng những kiến thức hóa sinh vào việc học tập các học phần khác của ngành điều dưỡng.	-Tự học:45	
21	Vi sinh vật	- Cung cấp những kiến thức về đặc điểm cơ bản của vi sinh vật như hình dạng, cấu trúc, nuôi cấy, kháng nguyên và miễn dịch. Mối quan hệ của vi sinh vật với môi trường và cơ thể con người, khả năng và cơ chế gây bệnh của vi sinh vật. Nguyên tắc phòng và chống vi sinh vật, vận dụng những kiến thức vi sinh vào việc học tập các học phần khác của ngành điều dưỡng. Trên cơ sở các nội dung trên, sẽ giúp sinh viên hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành, hình thành kỹ năng sử dụng công nghệ y học và tin học hiệu quả, thích hợp.	2TC (LT: 1 TH: 1) Số giờ:-LT:15 -TH:30 -Tự học:45	
22	Ký sinh trùng	Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, hình thể, cấu tạo, đặc điểm sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển của một số loại ký sinh trùng gây bệnh và truyền bệnh cho người hay gặp ở Việt Nam; Đặc điểm dịch tễ học, bệnh học	2TC (LT: 1 TH: 1) Số giờ:-LT:15 -TH:30 -Tự học:45	

		<p>và tác hại do ký sinh trùng gây nên; Mối liên quan giữa ký sinh trùng và sức khỏe cộng đồng; Nguyên tắc và biện pháp phòng chống ký sinh trùng, bệnh ký sinh trùng; Quan sát, thực hiện được một số phương pháp xét nghiệm chuẩn đoán ký sinh trùng; Vận dụng những kiến thức ký sinh trùng vào việc học tập các Học phần khác của ngành điều dưỡng</p>		
23	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	<p>- Bao gồm những kiến thức về quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình, bản chất của công tác phòng chữa bệnh trên cơ sở phân tích và tổng hợp các hiện tượng bệnh lý; Những kiến thức về hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia vào đáp ứng miễn dịch; Các giai đoạn, các yếu tố tham gia vào sự hình thành đáp ứng miễn dịch đặc hiệu trong khả năng đề kháng, phòng chống bệnh tật của cơ thể. Quan sát, thực hiện được một số thí nghiệm về diễn biến bệnh lý trên động vật thí nghiệm; một số xét nghiệm chẩn đoán miễn dịch; Vận dụng kiến thức Sinh lý bệnh - Miễn dịch vào việc học tập các học phần điều dưỡng và chăm sóc người bệnh.</p>	<p>3TC (LT: 2 TH: 1) Số giờ:-LT:30 -TH:30 -Tự học:75</p>	
24	Dược lý học	<p>- Cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động của thuốc trong cơ thể người bao gồm các nguyên lý dược động học</p>	<p>3TC (LT: 2 TH: 1) Số giờ:-LT:30</p>	

		<p>như: hấp thu, phân bố, chuyển hóa, bài giờ, tác dụng mong muốn, cơ chế tác dụng của một số thuốc thường dùng; Nhận biết hình dáng, tính chất, tác dụng của một số thuốc cơ bản; Vận dụng được những hiểu biết về thuốc vào sử dụng thuốc an toàn cho người bệnh.</p>	<p>-TH:30 -Tự học:75</p>	
25	Dịch tễ học	<p>- Cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên tắc và nội dung chính của dịch tễ học ứng dụng các nguyên tắc này trong chăm sóc sức khỏe; Các chỉ số sức khỏe chủ yếu của cộng đồng, cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; Mô tả và phân tích tình trạng sức khỏe của cộng đồng dân cư; Phân tích đặc điểm dịch tễ của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng; Nguyên tắc điều tra, kiểm soát một vụ dịch; Vận dụng được một số thiết kế nghiên cứu dịch tễ học thường được sử dụng trong công tác chăm sóc sức khỏe.</p>	<p>2TC (LT: 1 TH: 1) Số giờ:-LT:15 -TH:30 -Tự học:45</p>	
26	Chăm sóc Sức khỏe Cộng đồng và CSSK tâm thần	<p>Môn học giới thiệu các khái niệm sức khỏe cộng đồng và chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng cộng đồng trong hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng. Những vấn đề cơ bản của sức khỏe cộng đồng và hệ thống y tế cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe.</p> <p>Hiểu được những vấn đề cơ bản của sức khỏe tâm thần và một số bệnh liên quan đến tâm thần, những khó khăn về</p>	<p>2TC (LT: 2 TH: 0) Số giờ:-LT:30 -TH:0 -Tự học:60</p>	

		<p>mặt tâm lý của người bệnh . Môn học cũng giúp cho sinh viên suy nghĩ thái độ đúng mực với người có biểu hiện, bệnh nhân tâm thần góp phần trong việc giảm định kiến, giúp cho họ tái hòa nhập với đời sống gia đình cộng đồng.</p>		
Học phần tự chọn 3 trong 4 học phần				
27	Dinh dưỡng – Vệ sinh an toàn thực phẩm	<p>- Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa thức ăn và con người, những kiến thức khoa học cơ bản về dinh dưỡng như giá trị của các chất dinh dưỡng, vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng, xây dựng khẩu phần ăn, giờ chế dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm , vận dụng những kiến thức về Dinh Dưỡng - giờ chế vào thực tế chăm sóc người bệnh và cộng đồng , đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và phù hợp với văn hóa của người bệnh và cộng đồng.</p>	<p>2TC (LT: 1 TH: 1) Số giờ:-LT:15 -TH:30 -Tự học:45</p>	
28	Dân số - Kế hoạch hóa gia đình - Sức khỏe sinh sản	<p>- Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe dân số, KHHGD, SKSS. Thực hiện các kỹ thuật, quy trình chăm sóc cơ bản về sản phụ khoa, KHHGD và SKSS.</p>	<p>2TC (LT: 1 TH: 1) Số giờ:-LT:15 -TH:30 -Tự học:45</p>	
29	Y học cổ truyền	<p>- Trang bị những khái niệm cơ bản về lý luận y học cổ truyền: một số phương pháp chẩn trị của y học cổ</p>	<p>2TC (LT: 1 TH: 1) Số giờ:-LT:15</p>	

		truyền; áp dụng được một số phương pháp chăm sóc, nâng cao sức khỏe bằng y học cổ truyền.	-TH:30 -Tự học:45	
30	Tổ chức Y tế và các chương trình y tế	- Những kiến thức về hệ thống tổ chức, quản lý và hoạt động của ngành y tế nói chung và của ngành điều dưỡng Việt Nam. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức quản lý của người điều dưỡng và hệ thống tổ chức điều dưỡng. Thể hiện được sự hiểu biết các quy định pháp luật về sức khỏe, chính trị và xã hội của quốc gia.	2TC (LT: 1 TH: 1) Số giờ:-LT:15 -TH:30 -Tự học:45	
2.2. Kiến thức chuyên ngành				
Học phần bắt buộc				
31	Điều dưỡng cơ sở I	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử điều dưỡng; mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành điều dưỡng; đạo đức, định hướng phát triển; các học thuyết về điều dưỡng; quy trình điều dưỡng; Thực hành các kỹ thuật chăm sóc người bệnh cơ bản. 	4TC (LT: 2 TH: 2) Số giờ:-LT:30 -TH:60 -Tự học:90	
32	Điều dưỡng cơ sở II	<ul style="list-style-type: none"> Cung cấp các kiến thức nền tảng về các kỹ thuật điều dưỡng như: tiêm truyền, lấy mẫu bệnh phẩm, thông tiêu, tháo thụt, kỹ thuật băng, cho bệnh nhân thở máy, xử lý chất thải... 	4TC (LT: 2 TH: 2) Số giờ:-LT:30 -TH:60 -Tự học:90	
33	Bệnh học nội khoa	Nội dung bao gồm những bệnh lý thường gặp của các bệnh nội khoa thường gặp. Chẩn đoán các bệnh nội khoa thường gặp Nguyên tắc điều trị và các phương pháp điều trị các	2TC (LT: 2 TH: 0) Số giờ:-LT:30 -TH:0 -Tự học:60	

		<p>bệnh thường gặp.</p> <p>Tiên lượng sơ bộ và áp dụng được các phương pháp dự phòng các bệnh lý trên.</p>		
34	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Nội khoa	<p>Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cho người lớn mắc các bệnh nội khoa; Thực hiện các kỹ thuật quy trình chăm sóc nội khoa, lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh.</p>	<p>3TC (LT: 2 TH: 1)</p> <p>Số giờ:-LT:30 -TH:30 -Tự học:75</p>	
35	Bệnh học ngoại khoa	<p>Nội dung bao gồm: các bệnh lý ngoại khoa thường gặp. Những nguyên tắc điều trị các bệnh lý trên</p>	<p>2TC (LT: 2 TH: 0)</p> <p>Số giờ:-LT:30 -TH:0 -Tự học:60</p>	
36	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Ngoại khoa	<p>- Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cho người lớn mắc các bệnh ngoại khoa; Thực hiện các kỹ thuật quy trình chăm sóc ngoại khoa (lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh).</p>	<p>4TC (LT: 2 TH: 2)</p> <p>Số giờ:-LT:30 -TH:60 -Tự học:90</p>	
37	Bệnh học nhi khoa	<p>- Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh lý, bệnh lý ở trẻ em trong các giai đoạn phát triển của trẻ; Chăm sóc sức khỏe trẻ em; Thực hiện các kỹ thuật quy trình chăm sóc nhi khoa (lập kế hoạch và chăm sóc lâm sàng trẻ bệnh).</p>	<p>2TC (LT: 2 TH: 0)</p> <p>Số giờ:-LT:30 -TH:0 -Tự học:60</p>	
38	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	<p>- Học phần này mô tả vai trò của người điều dưỡng trong các cơ sở y tế chăm sóc nhi và giới thiệu những</p>	<p>2TC (LT: 1 TH: 1)</p> <p>Số giờ:-LT:15</p>	

		nguyên tắc thực hành điều dưỡng nhi cần thiết, cung cấp cho sinh viên điều dưỡng kiến thức và kỹ năng chăm sóc nhi khoa. Ngoài ra, học phần này còn tập trung cung cấp các vấn đề chăm sóc trên bệnh nhi và giáo dục sức khỏe cho thân nhân bệnh nhi.	-TH:30 -Tự học:45	
39	Bệnh học sản, phụ khoa	Nội dung bao gồm các bệnh lý của sản phụ khoa và các nguyên tắc cơ bản trong sản phụ khoa	2TC (LT: 2 TH: 0) Số giờ:-LT:30 -TH:0 -Tự học:60	
40	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	- Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe phụ nữ, sức khỏe người mẹ khi có thai, trong và sau khi đẻ và thời kỳ mãn kinh. Thực hiện các kỹ năng và quy trình chăm sóc cơ bản về Sản - Phụ khoa, kế hoạch hóa gia đình. Học phần này nói lên vai trò của người điều dưỡng khi cung cấp chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ và trẻ sơ sinh. Chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ và trẻ sơ sinh là chức năng quan trọng của người điều dưỡng trong cả 2 lĩnh vực cấp cứu và cộng đồng.	3TC (LT: 2 TH: 1) Số giờ:-LT:30 -TH:30 -Tự học:75	
41	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	- Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về bệnh truyền nhiễm, chăm sóc điều dưỡng người mắc bệnh truyền nhiễm; Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc bệnh truyền nhiễm (lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người	3TC (LT: 2 TH: 1) Số giờ:-LT:30 -TH:30 -Tự học:75	

		bệnh).		
42	Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng	- Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về phục hồi chức năng; Một số phương pháp vật lý trị liệu và phục hồi chức năng; Vai trò, nhiệm vụ của người Điều dưỡng trong quá trình chăm sóc sức khỏe người bệnh và cộng đồng bằng vật lý trị liệu và phục hồi chức năng; Thực hiện một số phương pháp vật lý trị liệu và phục hồi chức năng.	2TC (LT: 1 TH: 1) Số giờ:-LT:15 -TH:30 -Tự học:45	
43	Điều dưỡng cấp cứu hồi sức	Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về chăm sóc người bệnh trong tình trạng cấp cứu, nguy kịch và chăm sóc đặc biệt; Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh trong các trường hợp cấp cứu, nguy kịch, chăm sóc đặc biệt.	3TC (LT: 1 TH: 2) Số giờ:-LT:15 -TH:60 -Tự học:60	
44	Kiểm soát nhiễm khuẩn, an toàn người bệnh	- Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kiểm soát nhiễm khuẩn: Nhiễm khuẩn bệnh viện, Nhiễm khuẩn môi trường, Xử lý chất thải... - Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tiêm an toàn.	2TC (LT: 1 TH: 1) Số giờ:-LT:15 -TH:30 -Tự học:45	
45	Giáo dục sức khỏe và kỹ năng giao tiếp	- Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp, nội dung, phương tiện các kỹ năng giáo dục sức khỏe cũng như vai trò của người điều dưỡng trong việc nâng cao sức khỏe về thể trạng của cá nhân, gia đình và cộng đồng.	3TC (LT: 2 TH: 1) Số giờ:-LT:30 -TH:30 -Tự học:75	

		- Hướng dẫn cho sinh viên biết cách lựa chọn những phương pháp phương tiện và kỹ năng truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng.		
Học phần tự chọn 2 trong 3 học phần				
46	Quản lý điều dưỡng	Học phần này mô tả vai trò của người điều dưỡng với tư cách là người lãnh đạo và tâm lý lâm sàng khi họ tham dự và phối hợp vào các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, người điều dưỡng cần các kỹ năng lãnh đạo và quản lý khi họ tham dự vào việc ra quyết định liên quan đến chất lượng và chăm sóc sức khỏe.	3TC (LT: 2 TH: 1) Số giờ:-LT:30 -TH:30 -Tự học:75	
47	Điều dưỡng chuyên hệ nội	Cung cấp những kiến thức cơ bản về bệnh như: các bệnh về chuyên khoa hệ nội. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc điều dưỡng cho người bệnh chuyên khoa hệ nội. (Các chuyên khoa Lao, Da liễu, Tâm thần).	3TC (LT: 2 TH: 1) Số giờ:-LT:30 -TH:30 -Tự học:75	
48	Điều dưỡng chuyên hệ ngoại	- Cung cấp những kiến thức cơ bản về người bệnh như: các bệnh về chuyên khoa hệ ngoại. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc điều dưỡng cho người bệnh chuyên khoa hệ ngoại. (Các chuyên khoa: Mắt, Tai mũi họng, Răng hàm mặt).	3TC (LT: 2 TH: 1) Số giờ:-LT:30 -TH:30 -Tự học:75	
Thực tập và thi tốt nghiệp				
49	Thực tập điều dưỡng tại cộng đồng (04 tuần)	- Sinh viên được tham quan, thực tập tại các trung tâm y tế trên địa bàn thành phố.	2TC (LT: 0 TH: 2) Số giờ:-LT:0 -TH:80 (8 tuần)	

50	Thực tập điều dưỡng tại bệnh viện (16 tuần)	- Sinh viên được tham quan, thực tập tại các bệnh viện về kiến thức và các kỹ thuật điều dưỡng.	8TC (LT: 0 TH: 8) Số giờ:-LT:0 -TH:480 (16 tuần)	
51	Khóa luận tốt nghiệp hoặc thay thế bằng học tích lũy 6 tín chỉ tự chọn	-Khóa luận tốt nghiệp Hoặc thay thế bằng học tích lũy 6 tín chỉ.		

8.Kế hoạch giảng dạy hàng năm (dự kiến).

HỌC KỲ I

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	2	0
2	Anh Văn 1	3	3	0
3	Tin học đại cương	3	1	2
4	GD Quốc phòng - An ninh*	11	2	9
	TỔNG CỘNG	19	8	11

HỌC KỲ II

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	3	0

2	Anh Văn 2	3	3	0
3	Giáo dục thể chất 1 *	3	0	3
4	Hóa sinh	2	1	1
5	Giải phẫu	3	2	1
6	Vi sinh vật	2	1	1
7	Ký sinh trùng	2	1	1
8	Tự chọn 1 trong 3 học phần khối đại cương	2	1	1
	TỔNG CỘNG	20	12	8

HỌC KỲ III

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
2	Anh Văn 3	3	3	0
3	Giáo dục thể chất 2 *	3	0	3
4	Sinh lý học	3	2	1
5	Dịch tễ học	2	1	1
6	Tâm lý y học - Y đức	2	2	0
7	Điều dưỡng cơ sở I	4	2	2
	TỔNG CỘNG	19	12	7

HỌC KỲ IV

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
1	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3	0

2	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	2	1
3	Điều dưỡng cơ sở II	4	2	2
4	Bệnh học nội khoa	2	2	0
5	Bệnh học ngoại khoa	2	2	0
6	Chăm sóc SK cộng đồng & Chăm sóc SK tâm thần	2	2	0
7	Học phần tự chọn 2 trong 4 học phần của KT cơ sở ngành	4	2	2
	TỔNG CỘNG	20	15	5

HỌC KỲ V

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
1	Giáo dục thể chất 3 *	3	0	3
2	Pháp luật đại cương	2	2	0
3	Anh văn 4 (chuyên ngành)	3	3	0
4	Dược lý học	3	2	1
5	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Ngoại khoa	4	2	2
6	Tự chọn 1 trong 4 học phần của kiến thức cơ sở ngành	2	1	1
7	Thực tập tại bệnh viện (6 tuần):			
	+Thực tập điều dưỡng người bệnh nội khoa	1,5	0	1,5
	+Thực tập điều dưỡng người bệnh ngoại khoa	1,5	0	1,5
	TỔNG CỘNG	20	10	10

HỌC KỶ VI

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
1	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Nội khoa	3	2	1
2	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	3	2	1
3	Bệnh học Sản phụ khoa	2	2	0
4	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	3	2	1
5	Bệnh học nhi khoa	2	2	0
6	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	1	1
7	Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng	2	1	1
8	Thực tập tại bệnh viện (6 tuần): +Thực tập điều dưỡng người bệnh sản phụ khoa (1 tuần) +Thực tập điều dưỡng bệnh trẻ em (2 tuần) +Thực tập điều dưỡng người bệnh truyền nhiễm (2 tuần) +Thực tập điều dưỡng hồi sức cấp cứu (1 tuần)	3	0	3
TỔNG CỘNG		20	12	8

HỌC KỶ VII

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
----	--------------	------------

		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
1	Xác suất thống kê y học	2	2	0
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
3	Điều dưỡng cấp cứu hồi sức	3	1	2
4	Kiểm soát nhiễm khuẩn, an toàn người bệnh	2	1	1
5	GD sức khỏe & Kỹ năng giao tiếp	3	2	1
6	Tự chọn 2 trong 3 học phần của KT chuyên ngành	6	4	2
7	Thực tập tại bệnh viện (4 tuần): +Thực tập điều dưỡng người bệnh cần phục hồi chức năng (1 tuần) +Thực tập điều dưỡng kiểm soát nhiễm khuẩn (1 tuần) +Thực tập điều dưỡng chuyên khoa hệ nội (1 tuần) +Thực tập điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại (1 tuần)	2	0	2
	TỔNG CỘNG	20	12	8

HỌC KỲ VIII

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
1	Thực tập điều dưỡng tại cộng đồng (4 tuần): +Các Trung tâm Y tế (2 tuần) +Trung tâm bệnh xã hội (2 tuần)	2	0	2

2	Khóa luận tốt nghiệp Hoặc lựa chọn học tích lũy 6 tín chỉ	6	0	6
	TỔNG CỘNG	8	0	8

9. Hướng dẫn thực hiện:

Khi thực hiện chương trình đào tạo, các đơn vị có liên quan cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

9.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình đào tạo đã được Hiệu trưởng ban hành để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi giờ cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.
- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

9.2. Đối với giảng viên.

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học.
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước ít nhất một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức cho sinh viên các buổi Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án. Giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ: thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

Kiểm tra đánh giá:

- Điểm đánh giá đối với học phần gồm: Điểm kiểm tra thường xuyên (hoặc tiểu luận), điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm đánh giá bài tập lớn, điểm chuyên cần, điểm thi giữa kỳ và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và phải có trọng số không dưới 50%.

- Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

9.3.Đối với sinh viên.

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.

- Phải nghiên cứu đề cương môn học/học phần trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.

- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.

- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp.

- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

Nếu được Bộ cho phép mở ngành và tuyển sinh, dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh trong năm đầu tiên của ngành Điều dưỡng là 50 sinh viên, năm thứ hai 100, năm thứ ba 150, và từ năm thứ tư trở đi tuyển sinh 200 sinh viên/năm.

3- Biên bản của Hội đồng khoa học đào tạo của cơ sở đào tạo thông qua đề án mở ngành đào tạo;

(Tại phụ lục 2, phần phụ lục của đề án)

III. Đề nghị và cam kết thực hiện

1. Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Địa chỉ website: <http://www.vanlanguni.edu.vn/>

2. Đề nghị của cơ sở đào tạo

Từ các căn cứ khoa học cũng như thực trạng đào tạo và nhu cầu nhân lực ngành Điều dưỡng; với sự chuẩn bị về đội ngũ giảng viên, kỹ thuật viên và cơ sở vật chất, Trường Đại học Văn Lang kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định giao nhiệm vụ đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ đại học - mã ngành 52720501 cho Nhà trường kể từ năm 2017.

3. Cam kết triển khai thực hiện.

Trường Đại học Văn Lang xin cam kết đảm bảo đầy đủ các điều kiện mở ngành và chất lượng đào tạo theo quy định hiện hành./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Trần Thị Mỹ Diệu